

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Thaiholdings (“*Công ty*”)
 - Mã chứng khoán: THD
 - Địa chỉ: Số 210 Đường Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
 - Điện thoại liên hệ: (84-24) 3968 9898 Fax: (84-24) 3525 9898
 - E-mail: info@thaiholdings.com.vn
 - Nội dung thông tin công bố:
 - Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
 - Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
 - Các biểu mẫu sử dụng tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
 - Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 31/03/2023 tại đường dẫn: <https://thaiholdings.com.vn/quan-he-co-dong/>
- Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.*
- Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.*
- Các biểu mẫu sử dụng tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.*

**TM. CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Đỗ Mai Phương

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2023

THÔNG BÁO MỜI HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Thaiholdings

Công ty Cổ phần Thaiholdings (Mã số doanh nghiệp: 0105202998, địa chỉ trụ sở chính: Số 210 Đường Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội) (“**Công ty**”), trân trọng kính mời Quý Cổ đông tới tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (“**ĐHĐCĐ**” hoặc “**Đại hội**”) của Công ty với nội dung như sau:

- 1. Thời gian:** 08 giờ 30 phút, Thứ Năm ngày 27 tháng 04 năm 2023.
- 2. Địa điểm:** Tầng 3, Nhà hàng Hoa Sen 1, Khách sạn Kim Liên, số 5 – 7 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- 3. Nội dung Đại hội**
Chương trình họp, các nội dung chính và tài liệu sử dụng tại Đại hội được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn: <https://thaiholdings.com.vn/quan-he-co-dong/>, Mục “Đại hội đồng cổ đông”.
- 4. Điều kiện tham dự**
Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần do Công ty phát hành có tên trong danh sách cổ đông chốt ngày **31/03/2023** do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp.
- 5. Các giấy tờ cần mang theo khi tham dự ĐHĐCĐ**
 - 5.1. Đối với cổ đông là cá nhân:** CMND/CCCD hoặc Hộ chiếu (bản gốc) còn thời hạn sử dụng của cổ đông.
Trường hợp cổ đông là cá nhân ủy quyền cho cá nhân khác dự họp ĐHĐCĐ, người được ủy quyền cần mang theo:
 - CMND/CCCD hoặc Hộ chiếu (bản gốc) còn thời hạn sử dụng của người được ủy quyền;
 - Giấy ủy quyền (theo mẫu của Công ty đính kèm Thông báo này) có đầy đủ chữ ký.
 - 5.2. Đối với cổ đông là tổ chức:**
 - Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập (có chứng thực hợp lệ);
 - CMND/CCCD hoặc Hộ chiếu (bản gốc) còn thời hạn sử dụng của người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

Trường hợp cổ đông là tổ chức mà tổ chức đó ủy quyền cho cá nhân khác (không phải người đại diện theo pháp luật) dự họp ĐHĐCĐ, người được ủy quyền cần mang theo:

- + CMND/CCCD hoặc Hộ chiếu (bản gốc) còn thời hạn sử dụng của người được ủy quyền;
- + Giấy ủy quyền (theo mẫu của Công ty đính kèm Thông báo này) có đầy đủ chữ ký và đóng dấu xác nhận bởi cổ đông.

6. Đăng ký tham dự ĐHĐCĐ

Các đề xuất, kiến nghị của Quý Cổ đông về nội dung Đại hội vui lòng gửi bằng văn bản về Công ty chậm nhất ba (03) Ngày Làm Việc trước ngày diễn ra Đại hội. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

7. Thực hiện quyền biểu quyết trong trường hợp không tham dự ĐHĐCĐ

Trường hợp Quý Cổ đông không trực tiếp tham gia và cũng không thực hiện ủy quyền cho tổ chức/cá nhân khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ thì Quý Cổ đông có thể gửi Phiếu biểu quyết đến cuộc họp bằng phương thức gửi thư, fax, thư điện tử theo Thông tin liên hệ trong Thông báo này.

8. Thông tin liên hệ:

Để công tác chuẩn bị được thuận lợi, đề nghị Quý Cổ đông xác nhận việc tham dự hoặc ủy quyền tham dự Đại hội trước ngày diễn ra Đại hội bằng cách gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện, email về địa chỉ dưới đây:

Công ty Cổ phần Thaiholdings

Địa chỉ trụ sở chính: Số 210 Đường Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024 3968 9898

Fax: 024 3525 9898

Email: thaiholdings.jsc@gmail.com

- Người liên hệ: Ms Đinh Khánh Linh - 035 6071283

- Điện thoại: (84-24) 3968 9898

Email: linhdk@thaiholdings.com.vn

Rất mong sự hiện diện của Quý Cổ đông để ĐHĐCĐ thành công tốt đẹp.

Trân trọng kính mời!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thuyết

DANH MỤC TÀI LIỆU HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

| STT | TÊN TÀI LIỆU |
|------------|---|
| 1 | Chương trình dự kiến phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 |
| 2 | Dự thảo Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 |
| 3 | Dự thảo Quy chế về việc ứng cử, đề cử và bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát |
| 4 | Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động quản trị năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 |
| 5 | Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc |
| 6 | Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên |
| 7 | Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 |
| 8 | Tờ trình thông qua phương án trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2022 |
| 9 | Tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 |
| 10 | Tờ trình thông qua việc quyết toán thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022 và phương án chi trả thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023 |
| 11 | Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 - 2024 |
| 12 | Tờ trình thông qua việc bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 - 2024 |
| 13 | Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2019 - 2024 |
| 14 | Tờ trình thông qua việc bầu thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2019 – 2024 |
| 15 | Tờ trình thông qua việc thay thế toàn văn Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty |
| 16 | Tờ trình thông qua việc thay thế toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị công ty |
| 17 | Tờ trình thông qua việc thay thế toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị |
| 18 | Tờ trình thông qua việc thay thế toàn văn Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát |
| 19 | Tờ trình thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 |
| 20 | Dự thảo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 |
| 21 | Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 |

CHƯƠNG TRÌNH DỰ KIẾN
PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Thời gian tổ chức Đại hội: 08 giờ 30 phút, Thứ Năm ngày 27 tháng 04 năm 2023

Địa điểm: Tầng 3, Nhà hàng Hoa Sen 1, Khách sạn Kim Liên, số 5 - 7 Đào Duy Anh, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

| Thời gian | Nội dung chương trình |
|---------------|--|
| I | THỦ TỤC KHAI MẠC ĐẠI HỘI |
| 08h00 – 08h30 | Đón tiếp cổ đông và các thủ tục đăng ký tham dự, phát tài liệu cho cổ đông |
| 08h30 – 09h00 | Khai mạc, tuyên bố lý do và giới thiệu thành phần tham dự |
| | Công bố kết quả kiểm tra tư cách cổ đông |
| 09h30 – 10h00 | Giới thiệu và biểu quyết thông qua Đoàn chủ tịch, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu |
| | Giới thiệu và thông qua Quy chế làm việc của Đại hội |
| | Giới thiệu và thông qua Chương trình Đại hội |
| II | TRÌNH BÀY CÁC BÁO CÁO VÀ TỜ TRÌNH |
| 10h00 – 10h30 | Trình bày các Báo cáo: <ol style="list-style-type: none">Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động quản trị năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023;Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc;Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên; |
| | Trình bày các Tờ trình: <ol style="list-style-type: none">Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022;Tờ trình thông qua phương án trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2022;Tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023;Tờ trình thông qua việc quyết toán thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022 và phương án chi trả thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023;Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 - 2024;Tờ trình thông qua việc bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 - 2024;Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2019 - 2024; |

| Thời gian | Nội dung chương trình |
|---------------|--|
| | <p>8. Tờ trình thông qua việc bầu thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2019 – 2024;</p> <p>9. Tờ trình thông qua việc thay thế toàn văn Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty;</p> <p>10. Tờ trình thông qua việc thay thế toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị công ty;</p> <p>11. Tờ trình thông qua việc thay thế toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>12. Tờ trình thông qua việc thay thế toàn văn Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;</p> <p>13. Tờ trình thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022;</p> <p>14. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> |
| III | HỎI ĐÁP |
| 10h30 – 11h00 | Hỏi đáp |
| IV | BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ CỦA ĐẠI HỘI VÀ BẦU CỬ |
| 11h00 – 11h30 | Hướng dẫn việc biểu quyết và bầu cử |
| | Biểu quyết thông qua các Báo cáo và Tờ trình |
| | Thực hiện bầu cử |
| V | GIẢI LAO |
| 11h30 - 11h50 | Giải lao |
| VI | KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU |
| 11h50 – 12h00 | Công bố kết quả kiểm phiếu, kết quả bầu cử |
| VII | KẾT THÚC ĐẠI HỘI |
| 12h00 - 12h30 | Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội hội đồng cổ đông |
| | Chúc mừng thành viên HĐQT, BKS được bầu bổ sung |
| | Tuyên bố bế mạc Đại hội. |

BAN TỔ CHỨC

CÔNG TY CỔ PHẦN
THAIHOLDINGS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS**

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

ĐIỀU 1. Phạm vi áp dụng

- 1.1.** Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Thaiholdings (“**Quy chế**”) quy định quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (“**Đại Hội**” hoặc “**ĐHĐCĐ**”) của Công ty Cổ phần Thaiholdings (“**Công Ty**”), điều kiện và thể thức tiến hành Đại Hội.
- 1.2.** Cổ đông và các bên tham dự Đại Hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI**

ĐIỀU 2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông

- 2.1.** Quyền của cổ đông phổ thông khi tham dự Đại Hội
- a. Điều kiện tham dự:
- Là cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công Ty tại ngày chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại Hội hoặc là người đại diện theo ủy quyền hợp lệ của cổ đông tham dự Đại Hội.
- b. Hội đồng quản trị (“**HDQT**”) Công ty sẽ thông báo công khai những thông tin sau:
- Báo cáo của HDQT về hoạt động quản trị năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023;
 - Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của HDQT và Tổng Giám đốc;
 - Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
 - Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022;
 - Tờ trình thông qua phương án trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2022;
 - Tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023;
 - Tờ trình thông qua việc quyết toán thù lao thành viên HDQT, Ban Kiểm soát năm 2022 và phương án chi trả thù lao thành viên HDQT, Ban Kiểm soát năm

2023;

- Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019 – 2024;
- Tờ trình thông qua việc bầu thay thế thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019 - 2024;
- Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019 - 2024;
- Tờ trình thông qua việc bầu thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019 - 2024;
- Tờ trình thông qua việc thay thế toàn văn Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty;
- Tờ trình thông qua việc thay thế toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị công ty;
- Tờ trình thông qua việc thay thế toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Tờ trình thông qua việc thay thế toàn văn Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;
- Tờ trình thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022.
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Tất cả cổ đông dự họp tham gia ý kiến trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền của mình. Tất cả các ý kiến tham gia đều được thảo luận tại ĐHĐCĐ.

- c. Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, mỗi cổ đông/đại diện cổ đông khi tới tham dự Đại Hội được nhận một Thẻ biểu quyết, một Phiếu biểu quyết, một Phiếu bầu thành viên Ban Kiểm soát, một Phiếu bầu thành viên HĐQT và bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ sau khi hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại Hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông. Giá trị biểu quyết của Phiếu biểu quyết mà cổ đông/đại diện cổ đông đó nắm giữ tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện sở hữu theo đăng ký tham dự Đại Hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại diện có mặt tại Đại Hội.
 - d. Các cổ đông/đại diện cổ đông biểu quyết thống nhất về nội dung chương trình Đại Hội theo đề xuất của HĐQT.
 - e. Các cổ đông/đại diện cổ đông sau khi nghe các nội dung trình bày tại cuộc họp sẽ cùng thảo luận từng nội dung. Sau đó sẽ tiến hành biểu quyết.
 - f. Cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại Hội sau khi Đại Hội đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết đối với các nội dung chưa biểu quyết còn lại theo chương trình Đại Hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, Chủ tọa Đại Hội không có trách nhiệm dừng Đại Hội để cổ đông đăng ký và hiệu lực của các nội dung đã được Đại Hội biểu quyết trước đó không bị ảnh hưởng.
- 2.2.** Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông khi tham dự Đại Hội:
- a. Tham dự hoặc ủy quyền tham dự Đại Hội theo quy định.
 - b. Tuân thủ các quy định tại Quy chế này.
 - c. Cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại Hội không được sử dụng điện thoại trong cuộc họp.
 - d. Trường hợp có ý kiến tại cuộc họp, cổ đông vui lòng ghi ý kiến/câu hỏi vào Phiếu Đặt Câu Hỏi đã được Ban Tổ chức chuẩn bị sẵn trong Bộ tài liệu họp và

- gửi lại cho Ban Thư ký để Ban Thư ký gửi lại cho Đoàn Chủ tịch.
- e. Các cổ đông/đại diện cổ đông khi tham dự Đại Hội phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại Hội với Ban Tổ chức.
 - f. Nghiêm túc chấp hành nội quy tại Đại Hội, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại Hội.

ĐIỀU 3. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông, Ban Kiểm phiếu

3.1. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông:

- a. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông do HĐQT Công ty đề cử..
- b. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông kiểm tra tư cách cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại Hội, phát và thu Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cùng các tài liệu liên quan đến Đại Hội.
- c. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông phải báo cáo trước Đại Hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại Hội trước khi Đại Hội chính thức tiến hành.

3.2. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu:

- a. Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa Đại Hội đề cử và được Đại Hội thông qua. Thành viên Ban Kiểm phiếu có thể là cổ đông.
- b. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:
 - Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông, đại diện cổ đông;
 - Tổ chức kiểm phiếu;
 - Lập Biên Bản Kiểm Phiếu và công bố trước toàn Đại Hội;
 - Giao lại Biên Bản Kiểm Phiếu và toàn bộ Phiếu bầu, Phiếu biểu quyết cho Chủ tọa.
- c. Mọi công việc kiểm tra, lập Biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu phải được Ban Kiểm phiếu làm việc trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả đó.

ĐIỀU 4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại Hội và Ban Thư ký

HĐQT Công ty đề cử Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký và được ĐHĐCĐ thông qua.

4.1. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại Hội:

- a. Chủ tọa có chức năng chủ trì ĐHĐCĐ.
- b. Quyết định của Chủ tọa về các vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của ĐHĐCĐ mang tính phán quyết cao nhất.
- c. Chủ tọa tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển ĐHĐCĐ một cách hợp lệ, có trật tự và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông, đại diện cổ đông tham dự.
- d. Không cần lấy ý kiến của Đại Hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa Đại Hội cũng có thể hoãn Đại Hội đến một thời điểm khác và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:
 - Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của Đại Hội;

- Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại Hội được tiến hành một cách hợp lệ.

4.2. Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại Hội

Ban Thư ký Đại Hội thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Đoàn chủ tịch.

**CHƯƠNG III
TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI**

ĐIỀU 5. Điều kiện tiến hành Đại Hội

ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông, đại diện cổ đông dự họp trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.

ĐIỀU 6. Cách thức tiến hành Đại Hội

ĐHĐCĐ sẽ lần lượt thảo luận các vấn đề tại cuộc họp. Cổ đông sau khi biểu quyết thống nhất về chương trình Đại Hội sẽ được nghe Ban Tổ chức trình bày nội dung các Báo cáo và Tờ trình.

ĐIỀU 7. Thẻ lệ biểu quyết và bỏ phiếu tại Đại Hội

7.1. Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết.

7.2. Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền, đến dự Đại hội sẽ có một “Thẻ biểu quyết” và “Phiếu biểu quyết” có ghi mã số của Cổ đông, có ghi tổng số cổ phần bằng số lượng cổ phần cổ đông sở hữu và/hoặc đại diện.

7.3. Các vấn đề thông qua phải đảm bảo đúng tỷ lệ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

a) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành:

- Báo cáo của HĐQT về hoạt động quản trị năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023;
- Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của HĐQT và Tổng Giám đốc;
- Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022;
- Tờ trình thông qua phương án trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2022;
- Tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023;
- Tờ trình thông qua việc quyết toán thù lao thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2022 và phương án chi trả thù lao thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2023;
- Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019 – 2024;
- Tờ trình thông qua việc bầu thay thế thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019 - 2024;
- Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019 - 2024;
- Tờ trình thông qua việc bầu thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019 - 2024;

- Tờ trình thông qua việc thay thế toàn văn Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty;
 - Tờ trình thông qua việc thay thế toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị công ty;
 - Tờ trình thông qua việc thay thế toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - Tờ trình thông qua việc thay thế toàn văn Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.
- b) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành:
- Tờ trình thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022.

ĐIỀU 8. Tổ chức kiểm phiếu

- 8.1.** Việc kiểm phiếu phải được Ban Kiểm phiếu tiến hành tại phòng bỏ phiếu ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.
- 8.2.** Trước khi mở thùng phiếu, Ban Kiểm phiếu phải thống kê, lập biên bản và niêm phong số phiếu không dùng đến.
- 8.3.** Ban Kiểm phiếu không được gạch xóa hoặc sửa chữa trên phiếu bầu và phiếu biểu quyết.
- 8.4.** Những phiếu sau đây được coi là không hợp lệ:
- Phiếu không phải của Ban Tổ chức phát hành;
 - Phiếu có tẩy, sửa chữa nội dung (Trường hợp viết sai hoặc có nhầm lẫn phải đổi lại Phiếu mới và hủy phiếu cũ).

ĐIỀU 9. Công bố kết quả kiểm phiếu

Ban Kiểm phiếu lập Biên bản kiểm phiếu. Trưởng Ban Kiểm phiếu đọc Báo cáo kết quả kiểm phiếu trước Đại Hội.

CHƯƠNG IV

KẾT THÚC ĐẠI HỘI

ĐIỀU 10. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết của ĐHĐCĐ về các vấn đề trong cuộc họp được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông, đại diện cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp pháp luật và Điều lệ có quy định khác.

ĐIỀU 11. Biên bản Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại phiên họp ĐHĐCĐ phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản ĐHĐCĐ. Biên bản Đại Hội phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại Hội.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN KHÁC

ĐIỀU 12. Trường hợp tổ chức họp ĐHĐCĐ không thành

- 12.1.** Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự kiến tiến hành cuộc họp thứ nhất. Cuộc họp của ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông, đại diện cổ

đồng dự họp đại diện từ 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.

- 12.2.** Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 12.1 của Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự kiến tiến hành cuộc họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông tới dự họp.

ĐIỀU 13. Điều khoản thi hành

- 13.1.** Quy chế này gồm 5 Chương 13 Điều, được đọc công khai trước khi tiến hành Đại Hội và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại Hội biểu quyết thông qua.
- 13.2.** Các nội dung không được quy định chi tiết tại Quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật liên quan./.

**TM. BAN TỔ CHỨC
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Văn Thuyết

Hà Nội, ngày tháng ... năm 2023

QUY CHẾ

**Về việc ứng cử, đề cử và bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên
Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Công ty Cổ phần Thaiholdings**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thaiholdings (“**Điều lệ**”);
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thaiholdings;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thaiholdings.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (“**ĐHĐCD**” hoặc “**Đại Hội**”) của Công ty Cổ phần Thaiholdings (“**Công ty**”) quy định Quy chế về việc bầu cử, đề cử và bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát (“**Quy chế**”) như sau:

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị (“**HDQT**”) được bầu: người;
- Số lượng thành viên Ban Kiểm soát (“**BKS**”) được bầu: **01** người;
- Nhiệm kỳ của thành viên HDQT, BKS được bầu: **2019 - 2024**.
- Số lượng ứng cử viên HDQT, BKS tối đa: không hạn chế.

ĐIỀU 1: Đối tượng thực hiện bầu cử

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo Danh sách cổ đông Công ty chốt tại ngày 31/03/2023).

ĐIỀU 2: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HDQT, BKS:

2.1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HDQT

- a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh

vực, ngành nghề kinh doanh của Công ty;

- c) Thành viên HĐQT Công ty không được đồng thời là thành viên HĐQT của trên 05 (năm) công ty khác;
- d) Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của Công ty.

2.2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên độc lập HĐQT:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 (ba) năm liền trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% (một phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- e) Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, BKS của Công ty ít nhất trong 05 (năm) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (hai) nhiệm kỳ.

2.3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS:

- a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- d) Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- e) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty mẹ và tại Công ty;
- f) Không được là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- g) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán độc lập được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó.

ĐIỀU 3: Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS

- 3.1.** Cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền tự ứng cử vào HĐQT/ BKS.
- 3.2.** Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT/BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng viên.
- 3.3.** Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên. Việc HĐQT giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT.
- 3.4.** Trường hợp số lượng các ứng cử viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên. Việc BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên BKS.

ĐIỀU 4: Lựa chọn ứng cử viên

Dựa trên các đơn ứng cử, đề cử của các cổ đông/nhóm cổ đông và hồ sơ kèm theo của các ứng cử viên, Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty sẽ kiểm tra tính hợp lệ của từng hồ sơ. Trên cơ sở đó, các ứng viên tự ứng cử hoặc được đề cử có hồ sơ hợp lệ và đảm bảo đủ các tiêu chuẩn theo đúng Quy chế này, phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty sẽ được đưa vào danh sách ứng viên để bầu thay thế vào HĐQT/BKS tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty.

ĐIỀU 5: Nguyên tắc bầu cử

- 5.1.** Bầu cử đúng luật, đúng Điều lệ và bỏ phiếu kín.
- 5.2.** Quyền bầu cử được tính theo số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu. Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.
- 5.3.** Mỗi cổ đông chỉ được sử dụng một phiếu bầu tương ứng với số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu.
- 5.4.** ĐHĐCĐ bầu một hoặc một số người vào Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

5.5. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT, BKS.

ĐIỀU 6: Phương thức bầu cử

6.1. Việc bầu thay thế thành viên HĐQT, BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT, BKS. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

6.2. Tỷ lệ phiếu bầu được tính căn cứ theo tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại Hội.

6.3. Cổ đông không bầu cho người nào trong danh sách bầu cử thì để trống ô số cổ phần được bầu của người đó.

6.4. Phiếu bầu không hợp lệ là các phiếu:

- ✓ Tổng số lượng phiếu được bầu vượt quá Tổng số phiếu bầu (*Tổng số phiếu bầu của mỗi cổ đông bằng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu nhân với số lượng thành viên HĐQT/BKS được bầu*);
- ✓ Xoá toàn bộ tên người ghi trong phiếu bầu;
- ✓ Bầu quá số lượng thành viên được bầu;
- ✓ Viết thêm tên người ngoài danh sách ứng cử viên đã được Đại Hội thông qua;
- ✓ Ghi tỷ lệ % vào cột “số phiếu bầu”;
- ✓ Phiếu không theo mẫu in sẵn, không đóng dấu treo của Công ty.

6.5. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ tọa giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).

ĐIỀU 7: Điều kiện trúng cử

7.1. Người trúng cử thành viên HĐQT, thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên được bầu.

7.2. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau thì ứng cử viên nào sở hữu nhiều cổ phần hơn sẽ được chọn. Trường hợp số cổ phần sở hữu ngang nhau thì tiến hành bầu lần thứ hai đối với những ứng cử viên này để lựa chọn. Nếu bầu lần thứ hai vẫn bằng nhau thì việc có tiếp tục bầu cử nữa hay không do Đại hội quyết định.

ĐIỀU 8: Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS:

8.1. Quý cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu ứng cử/đề cử người vào HĐQT, BKS, vui lòng gửi hồ sơ trước 16 giờ ngày 17/04/2023. Thông tin địa chỉ nhận hồ

sơ như sau:

Công ty Cổ phần Thaiholdings

- Địa chỉ: Trụ sở chính của Công ty tại Số 210 Đường Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.
- Người liên hệ: Ms Đinh Khánh Linh - 035 6071283
- Điện thoại: (84-24) 3968 9898 Email: linhdk@thaiholdings.com.vn

8.2. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử thành viên HĐQT/BKS bao gồm *(các mẫu biểu được đăng tải trên website của Công ty)*:

- Đơn đề cử/ứng cử thành viên HĐQT/BKS theo mẫu;
- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai theo mẫu *(có xác nhận của địa phương hoặc tổ chức nơi ứng viên đang làm việc)*;
- Bản sao chứng thực: CMND/CCCD/Hộ chiếu, các bằng cấp trình độ chuyên môn của ứng cử viên.
- Giấy xác nhận số lượng cổ phần của cổ đông (nếu ứng cử) hoặc cổ đông/nhóm cổ đông (nếu đề cử) sở hữu liên tục trong 06 tháng gần nhất tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại Hội (ngày 31/3/2023).
- Biên bản họp của nhóm cổ đông trong trường hợp ứng cử viên được nhóm cổ đông đề cử.

Lưu ý: Người được đề cử, tự ứng cử vào HĐQT/BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ về tính chính xác, trung thực nội dung Hồ sơ ứng cử, đề cử của mình.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nguyễn Văn Thuyết

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ
NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thaiholdings

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thaiholdings (“*Công ty*”, “*THD*”) trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông (“*DHĐCĐ*”) về kết quả hoạt động quản trị của Hội đồng quản trị (“*HĐQT*”) trong năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

Năm 2022 Hội đồng quản trị THD có 06 thành viên (đến hết ngày 28/04/2022) và còn 05 thành viên (từ ngày 29/04/2022); trong đó, có một thành viên độc lập là bà Trần Thị Thanh Giang. Cơ cấu HĐQT hiện tại được đánh giá là cân đối và phù hợp giữa các thành viên có kinh nghiệm, có kiến thức và hiểu biết về quản trị, pháp luật, tài chính và hoạt động kinh doanh, cũng như chức trách, nhiệm vụ của các thành viên đó (thành viên điều hành, thành viên không điều hành và thành viên độc lập), đáp ứng quy định có ít nhất 1/3 số thành viên HĐQT là thành viên HĐQT độc lập và không điều hành để bảo đảm tính độc lập, khách quan trong hoạt động của HĐQT.

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022**1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2022**

Năm 2022, doanh thu hợp nhất của Thaiholdings đã thực hiện là 4.112,6 tỷ đồng, đạt 46% so với kế hoạch và lợi nhuận trước thuế hợp nhất là 414,7 tỷ đồng, đạt 28% so với kế hoạch mà Thaiholdings kỳ vọng từ đầu năm. Nguyên nhân chính của việc suy giảm doanh thu và lợi nhuận là do tình hình khó khăn chung của các Doanh nghiệp trong năm 2022; đồng thời, năm 2022 Thaiholdings thực hiện tái cơ cấu danh mục đầu tư, nên kết quả kinh doanh của một số Công ty sau khi thoái vốn đã không còn hợp nhất vào kết quả sản xuất kinh doanh của toàn Tập đoàn.

Căn cứ các nội dung tờ trình được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, tình hình thực hiện so với kế hoạch của Thaiholdings, như sau:

| Chỉ tiêu | Kế hoạch năm 2022 | Thực hiện năm 2022 | Mức độ hoàn thành (%) |
|-----------------|-------------------|--------------------|-----------------------|
| Doanh thu thuần | 8.880.446.000.000 | 4.112.639.747.243 | 46% |

| Chỉ tiêu | Kế hoạch năm 2022 | Thực hiện năm 2022 | Mức độ hoàn thành (%) |
|----------------------|--------------------------|---------------------------|------------------------------|
| Lợi nhuận trước thuế | 1.503.000.000.000 | 414.715.285.866 | 28% |
| Lợi nhuận sau thuế | 1.202.400.000.000 | 301.166.656.240 | 25% |

2. Kết quả hoạt động quản trị của HĐQT năm 2022

HĐQT luôn xác định vai trò lãnh đạo, định hướng, chỉ đạo, quản lý và giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty giữa hai kỳ Đại hội Đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Năm 2022, HĐQT đã tổ chức 16 cuộc họp, thông qua 20 Nghị quyết/Quyết định để triển khai các chủ trương của ĐHĐCĐ, cũng như thực hiện các nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

3. Thù lao thành viên HĐQT năm 2022

Các khoản thù lao, phụ cấp của HĐQT được thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, dựa trên kết quả kinh doanh thể hiện trên Báo cáo tài chính đã kiểm toán và thời gian đảm nhiệm chức vụ.

4. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

Căn cứ vào Điều lệ, Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế nội bộ về quản trị công ty, HĐQT đã giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc (“**BTGD**”) trong việc triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT trong năm 2022 như sau:

- HĐQT đã thông qua 20 Nghị quyết/Quyết định quan trọng nhằm củng cố nhân sự cho BTGD, kịp thời hoạch định hướng hoạt động, thúc đẩy kinh doanh, đưa ra các quyết sách phù hợp với quy định và diễn biến thị trường;
- HĐQT sử dụng bộ máy tham mưu giúp việc tại công ty để thường xuyên kiểm tra, giám sát đối với BTGD trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT;
- Giám sát, chỉ đạo công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch, kịp thời theo đúng quy định pháp luật;
- Chủ trì, chỉ đạo và tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022;
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết/Quyết định ĐHĐCĐ và HĐQT đã ban hành.

5. Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT

Trong năm 2022, HĐQT Công ty không thành lập các tiểu ban trực thuộc. Các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ của mình theo sự phân công của HĐQT.

6. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với các cán bộ quản lý khác

HĐQT cùng BTGD, cán bộ phụ trách các Phòng/Ban/Bộ phận trực thuộc đã tiến hành nghiêm túc việc kiểm tra định kỳ, đột xuất nên cơ bản đã không để xảy ra thiệt hại về vật chất, sai phạm trong quản lý điều hành, hạn chế đến mức thấp nhất việc lãng phí, giảm thiểu các chi phí trong sản xuất kinh doanh.

Nhìn chung các cán bộ quản lý có nhiều cố gắng trong công việc và đã tham mưu cho BTGD những nội dung liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thường ngày của Công ty.

III. MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2023

1. Mục tiêu và định hướng hoạt động năm 2023

Tình hình kinh tế, chính trị thế giới và khu vực tiếp tục là một thách thức lớn cho Công ty khi xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2023. Tuy nhiên, với sự nỗ lực của tập thể Ban lãnh đạo và CBCNV Công ty, HĐQT Công ty tin tưởng có thể đạt được các thành tựu cao hơn nữa trong năm 2023 và các năm tiếp theo. HĐQT Công ty đặt mục tiêu kế hoạch trong năm 2023 và xác định một số định hướng cho hoạt động của Công ty như sau:

- Đẩy mạnh số hóa và chuyển đổi số để đổi mới mô hình kinh doanh, tạo ra những cơ hội, doanh thu và giá trị mới cao hơn, hiệu quả hơn;
- Quản lý an toàn, hiệu quả nguồn vốn của Cổ đông và nguồn vốn vay;
- Sẵn sàng hệ thống, quy trình, con người, nguồn vốn để có thể nhanh chóng triển khai các các dự án mới, hoạt động SXKD mới v.v...
- Tiếp tục duy trì hoạt động của Công ty một cách an toàn, hạn chế rủi ro, minh bạch thông tin với các Bên liên quan.
- Hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2023 đặt ra. Cụ thể:
 - + Doanh thu thuần hợp nhất đạt: 3.272 tỷ đồng.
 - + Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt: 358 tỷ đồng.
 - + Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt: 241 tỷ đồng.

2. Giải pháp thực hiện

Bên cạnh hoạt động xây dựng định hướng chiến lược cho giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục:

- Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc bám sát và thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị.
- Tiếp tục chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản, quy định nội bộ của Tập đoàn.
- Duy trì hoạt động công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời theo luật định. Chủ động công bố các thông tin khác liên quan đến hoạt động của Tập đoàn.

- Tập trung triển khai giám sát và định hướng phát triển toàn diện các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, tăng cường công tác quản trị rủi ro.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của HĐQT về hoạt động quản trị năm 2022 và Kế hoạch hoạt động năm 2023 của Công ty Cổ phần Thaiholdings. Với quyết tâm và nỗ lực của HĐQT, Ban lãnh đạo Công ty cùng những ý kiến đóng góp của Quý cổ đông, HĐQT tin tưởng THD sẽ hoàn thành tốt các mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua.

Rất mong nhận được sự ủng hộ lâu dài của Quý cổ đông, các đối tác và các khách hàng. Chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thuyết

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thaiholdings

Ban Kiểm soát (“**BKS**”) Công ty Cổ phần Thaiholdings (“**Công ty**”) trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị (“**HDQT**”) và Tổng Giám đốc (“**TGD**”) như sau:

PHẦN I

**KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH
DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2022**

I. Thẩm định Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022

- Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 của Công ty được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh Hải Phòng là đơn vị đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán các công ty niêm yết.
- Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh Hải Phòng về Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 của Công ty như sau: Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất “*đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thaiholdings tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất*”.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

1. Kết quả kinh doanh của Công ty tại Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | BCTC riêng | | BCTC hợp nhất | |
|---|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| | 31/12/2021 | 31/12/2022 | 31/12/2021 | 31/12/2022 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 2.909.897.030.104 | 1.819.098.893.513 | 8.242.531.554.290 | 4.112.639.747.243 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 170.503.832.909 | 177.388.717.237 | 276.217.397.549 | 570.918.008.687 |
| Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty LDLK | | | (11.705.143.218) | 5.173.792.538 |
| Thu nhập khác | 3.701.339.928 | 1.905.434.694 | 779.447.486.346 | 12.034.183.775 |
| Giá vốn hàng hóa | 2.653.950.664.131 | 1.637.816.520.422 | 7.752.604.817.542 | 3.812.643.954.696 |
| Chi phí tài chính | 98.030.812.735 | 49.404.183.358 | 419.469.156.138 | 180.196.326.695 |
| Chi phí bán hàng | 2.289.178.605 | 917.136.348 | 7.447.229.522 | 1.618.089.623 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 18.915.958.271 | 20.135.126.537 | 286.667.876.472 | 281.962.482.745 |
| Chi phí khác | 11.722.538.872 | 2.374.175.830 | 208.830.336.726 | 9.629.595.618 |
| Lợi nhuận trước thuế | 299.193.050.327 | 287.745.902.949 | 611.471.878.567 | 414.715.285.866 |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | 269.435.012.278 | 229.773.692.407 | 494.571.079.076 | 301.166.656.240 |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | | | 88.664.380.448 | 57.224.747.093 |

Theo Báo cáo tài chính riêng của Công ty:

- Doanh thu năm 2022 của Công ty đạt 1.819.098.893.513 đồng, so với doanh thu năm 2021 là 2.911.755.405.673 đồng, giảm 37,53% so với cùng kỳ năm 2021.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2022 của Công ty đạt 229.773.692.407 đồng, so với lợi nhuận sau thuế năm 2021 là 229.773.692.407 đồng, giảm 14,72% so với cùng kỳ năm 2021.

Nguyên nhân là do:

- Hoạt động kinh doanh dịch vụ thuê văn phòng năm 2022 đạt 168,6 tỷ đồng doanh thu so với con số 164,8 tỷ đồng của năm 2021, tăng 2,26% so với cùng kỳ năm 2021. Lợi nhuận thuần từ hoạt động này năm 2022 là 29,4 tỷ đồng so với Lợi nhuận thuần năm 2021 là 23,6 tỷ đồng, tăng 24,59% so với cùng kỳ năm 2021.
- Hoạt động kinh doanh thương mại truyền thống năm 2022 đạt 1.650,4 tỷ đồng doanh thu, so với con số 2.745 tỷ đồng của năm 2021, giảm 39,87% so với cùng kỳ năm 2021. Lợi nhuận thuần từ hoạt động này năm 2022 là 151,8 tỷ đồng so với Lợi nhuận thuần năm 2021 là 232,2 tỷ đồng, giảm 34,64% so với cùng kỳ năm 2021.

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty:

- Thu nhập hợp nhất năm 2022 của Công ty là 4.695.591.942.705 đồng, trong đó doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ là 4.112.639.747.243 đồng, Doanh thu hoạt động tài chính là 570.918.008.687 đồng, Thu nhập khác là 12.034.186.775 đồng.
- Tổng chi phí hợp nhất năm 2022 của Công ty là 4.280.876.656.839 đồng, trong đó giá vốn hàng bán là 3.812.643.954.696 đồng, chi phí tài chính là 180.196.326.695 đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp là 281.962.482.745 đồng, chi phí khác là 9.629.595.618 đồng.
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế hợp nhất năm 2022 là 414.715.285.866 đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất là 301.166.656.240 đồng, trong đó lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát là 57.224.747.093 đồng.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

2. Kết quả giám sát tình hình tài chính riêng và hợp nhất

Đơn vị tính: VNĐ

| Chỉ tiêu | BCTC riêng | | % tăng/ giảm | BCTC hợp nhất | | % tăng/ giảm |
|---------------------------------------|-------------------|-------------------|-----------------|--------------------|-------------------|-----------------|
| | 01/01/2022 | 31/12/2022 | | 01/01/2022 | 31/12/2022 | |
| TỔNG TÀI SẢN | 5.134.846.810.753 | 5.220.873.909.835 | +1,68 | 10.541.225.209.828 | 8.274.995.107.649 | -21,50 |
| A. Tài sản ngắn hạn | 1.019.911.239.483 | 1.081.009.052.927 | +5,99 | 2.386.441.180.858 | 2.252.230.403.046 | -5,62 |
| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền | 72.417.349.418 | 48.951.016.869 | -32,40 | 271.689.886.895 | 77.203.619.488 | -71,58 |
| 2. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 2.326.054 | 1.778.950 | -23,52 | 6.102.593.654 | 6.101.778.950 | -0,01 |
| 3. Các khoản phải thu ngắn hạn | 925.281.568.316 | 997.113.605.863 | +7,76 | 1.939.175.448.152 | 2.091.677.924.252 | +7,86 |
| 4. Hàng tồn kho | 7.730.759.601 | 11.621.425.209 | +5,33 | 95.542.820.341 | 43.171.545.585 | -54,81 |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 14.479.236.093 | 23.321.226.036 | +61,07 | 73.930.431.816 | 32.075.534.771 | -56,61 |
| B. Tài sản dài hạn | 4.114.935.571.270 | 4.139.864.856.908 | +0,61 | 8.154.784.028.970 | 6.022.764.704.603 | -26,14 |
| 1. Các khoản phải thu dài hạn | 22.464.285.185 | 143.829.419.213 | +540,26 | 667.197.094.794 | 737.750.610.904 | +10,57 |
| 2. Tài sản cố định | 2.902.566.521 | 2.397.741.797 | -17,39 | 1.015.869.915.044 | 32.342.793.043 | -96,82 |
| 3. Bất động sản đầu tư | | | | 105.495.281.990 | 105.495.281.990 | 0,00 |
| 4. Tài sản dở dang dài hạn | 965.023.581 | | -100 | 279.095.419.310 | 242.912.208.668 | -16,96 |
| 5. Đầu tư Tài chính dài hạn | 3.910.200.420.957 | 3.763.317.914.724 | -3,76 | 839.821.350.893 | 1.788.968.279.304 | +113,02 |
| 6. Tài sản dài hạn khác | 178.403.275.026 | 230.319.781.174 | +29,10 | | | |

| Chỉ tiêu | BCTC riêng | | % tăng/ giảm | BCTC hợp nhất | | % tăng/ giảm |
|--------------------------------------|-------------------|-------------------|-----------------|--------------------|-------------------|-----------------|
| | 01/01/2022 | 31/12/2022 | | 01/01/2022 | 31/12/2022 | |
| Trong đó lợi thế thương mại | | | | 5.247.304.966.939 | 3.115.295.530.694 | -40,63 |
| | | | | 1.907.332.431.612 | 1.589.393.930.390 | -16,67 |
| TỔNG NGUỒN VỐN | 5.134.846.810.753 | 5.220.873.909.835 | +1,68 | 10.541.225.209.828 | 8.274.995.107.649 | -21,50 |
| C. Nợ phải trả | 1.257.430.322.212 | 1.113.683.728.887 | -11,43 | 4.869.453.612.159 | 2.335.856.051.194 | -52,03 |
| 1. Nợ ngắn hạn | 1.130.793.967.107 | 1.059.362.258.377 | -6,32 | 3.586.001.877.408 | 1.981.212.366.996 | -44,75 |
| 2. Nợ dài hạn | 126.636.355.105 | 54.321.470.510 | -57,10 | 1.283.451.734.751 | 354.643.684.198 | -72,37 |
| D. Vốn chủ sở hữu | 3.877.416.488.541 | 4.107.190.180.948 | +5,93 | 5.671.771.597.669 | 5.939.139.056.455 | +4,71 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 3.500.000.000.000 | 3.500.000.000.000 | 0 | 3.500.000.000.000 | 3.500.000.000.000 | 0 |
| 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 377.664.988.541 | 607.438.680.948 | +60,84 | 1.292.832.461.158 | 1.536.812.370.305 | +18,87 |
| 3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | | | | 879.187.636.511 | 902.575.186.150 | +2,66 |

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

a) *Tài sản, nguồn vốn trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty:*

- Nguồn vốn trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 là 5.220.873.909.835 đồng, tăng 1,68% so với ngày 01/01/2022, cụ thể:
 - + Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng 60,84%.
 - + Nợ phải trả giảm 11,43%, trong đó Nợ ngắn hạn giảm 6,32% so với đầu năm.
- Tổng tài sản tại ngày 31/12/2022 cũng tăng 1,68% so với 01/01/2022, cụ thể:
 - + Tài sản ngắn hạn tăng 5,99%.
 - + Tài sản dài hạn tăng 0.61%.
- Công ty đã đầu tư vào công ty con là 3.060.000.000.000 đồng, đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác là 779.489.620.000 đồng.
- Công ty đã trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn với số tiền 76.171.705.276 đồng.
- Các khoản nợ vay và nợ thuê tài chính tại ngày 31/12/2022:
Vay ngắn hạn: Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch số tiền 488.465.741.215 đồng.

b) *Tài sản, nguồn vốn trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty:*

- Nguồn vốn trên Báo cáo tài chính hợp nhất Công ty tại thời điểm 31/12/2022 là 8.274.995.107.649 đồng, giảm 21,50% so với ngày 01/01/2022, cụ thể:
 - + Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng 18,7%, Lợi ích cổ đông không kiểm soát tăng 2,66%.
 - + Nợ phải trả giảm 52,03%, trong đó Nợ ngắn hạn giảm 44,75% so với đầu năm.
- Tổng tài sản tại ngày 31/12/2022 cũng giảm 21,50% so với ngày 01/01/2022, cụ thể:
 - + Tài sản ngắn hạn giảm 5,62%.
 - + Tài sản dài hạn giảm 26,14%.
- Các khoản nợ vay và nợ thuê tài chính tại ngày 31/12/2022:
 - + Nợ vay ngắn hạn: 885.311.209.682 đồng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh thực phẩm đông lạnh và vật liệu xây dựng, cụ thể gồm 2 khoản vay sau:
 - Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch: 488.465.741.215 đồng.
 - Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ninh Bình:

396.845.468.467 đồng.

- + Tài sản đảm bảo cho các khoản vay là tài sản hiện có của Công ty (Quyền sử dụng đất tại khu đô thị Xuân Thành Ninh Bình thuộc sở hữu của Thaingroup, Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại BIDV Ninh Bình).
- Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn tại 31/12/2022:
 - + Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn là: 83.597.453.676 đồng.
 - + Doanh thu chưa thực hiện dài hạn là: 40.134.143.606 đồng.Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn là tiền cho thuê văn phòng nhận trước của tòa nhà văn phòng làm việc cho thuê tại số 210 Trần Quang Khải và 17 Tông Đản Hà Nội và tiền cho thuê tại Khách sạn Kim Liên.
- Đầu tư tài chính tại ngày 31/12/2022:
 - + Đầu tư tài chính ngắn hạn: 6.100.000.000 đồng.
 - + Đầu tư tài chính dài hạn: 1.258.968.279.304 đồng.
- Quản lý tài sản xây dựng cơ bản dở dang: số dư tại ngày 31/12/2022: 242.912.208.668 đồng, trong đó Dự án Cảng Ninh Phúc: 207.074.182.454 đồng, Dự án Apatit Lào Cai: 8.644.791.131 đồng, Dự án Nhà máy Xi măng Kiên Lương: 245.675.554 đồng, Dự án Khu phức hợp Kim Liên: 26.947.562.529 đồng.
- Chi phí trả trước dài hạn: số dư tại ngày 31/12/2022: 1.525.901.600.304 đồng. Trong đó, Lợi thế kinh doanh quyền thuê đất của Công ty CP Du lịch Kim Liên: 1.295.412.460.698 đồng, Chi phí thuê văn phòng tại 210 Trần Quang Khải và 17 Tông Đản Hà Nội: 212.247.450.689 đồng, chi phí thuê văn phòng tại 2B Lê Phụng Hiểu: 16.952.748.175 đồng, công cụ dụng cụ xuất dùng: 443.872.456 đồng, chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản: 763.313.619 đồng, các khoản khác: 81.754.667 đồng.
- Lợi thế thương mại: số dư tại ngày 31/12/2022 là 1.589.393.930.390 đồng.

c) Báo cáo tình hình tăng giảm vốn điều lệ

Trong năm Công ty không có biến động về Vốn điều lệ.

d) Đầu tư vào Công ty Con

| Tên công ty | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|----------------------------------|----------------------------|---------------|------------------------|--|
| Công ty CP - Tập đoàn Thaingroup | Ninh Bình | 81,6% | 81,6% | Kinh doanh vật liệu xây dựng và máy móc thiết bị |
| Công ty CP Du lịch Kim Liên (*) | Hà Nội | 69,93% | 59,98% | Du lịch, khách sạn |

(*) Công ty con của Công ty CP - Tập đoàn Thaingroup

Tại ngày 31/12/2022, tỷ lệ biểu quyết trực tiếp và gián tiếp của Công ty tại Công ty CP Du lịch Kim Liên là 17,2% và 52,43%.

e) *Đầu tư vào Công ty liên kết*

| Tên công ty | Địa chỉ | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|-------------------------------------|----------------|----------------------|-------------------------------|-----------------------------------|
| Công ty CP Tôn Đản Hà Nội | Hà Nội | 44,23% | 49,81% | Kinh doanh bất động sản |
| Công ty CP Enclave Phú Quốc (**) | Kiên Giang | 39,98% | 49,00% | Dịch vụ nghỉ dưỡng khách sạn |
| Công ty CP Bình Minh Group (**) | Hà Nội | 37,09% | 45,45% | Kinh doanh bất động sản |

(**) Công ty liên kết của Công ty CP - Tập đoàn Thaingroup

f) *Mua bán, thay đổi các khoản đầu tư tại các Công ty thành viên*

- Trong năm, Công ty CP - Tập đoàn Thaingroup thực hiện chuyển nhượng toàn bộ 7.943.500 cổ phần Công ty CP Thailand cho Ông Nguyễn Văn Hà với tổng giá trị chuyển nhượng là 476.610.000.000 đồng.
- Công ty đã thực hiện chuyển nhượng 4.288.000 cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Thaihomes (nay đã đổi tên là Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Tuấn Nguyễn) cho Bà Nguyễn Thị Xuân, tương đương 16% vốn điều lệ với giá trị chuyển nhượng 115.776.000.000 đồng.
- Công ty đã thực hiện góp thêm 306.363.000.000 VND vốn theo cam kết vào Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Bãi Thơm - Phú Quốc (đổi tên từ Công ty CP Thaispace) nâng tổng số vốn đã góp thành 386.363.000.000 VND. Đồng thời, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp vào Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Bãi Thơm - Phú Quốc cho Ông Trịnh Văn Thiệm.
- Trong năm, do các cổ đông khác của Công ty CP Enclave Phú Quốc góp tăng vốn điều lệ nên tỷ lệ biểu quyết của Công ty CP - Tập đoàn Thaingroup tại Công ty CP Enclave Phú Quốc giảm còn 49%, Công ty CP Enclave Phú Quốc trở thành công ty liên kết.
- Trong năm, do các cổ đông khác của Công ty CP Bình Minh Group góp tăng vốn

điều lệ nên tỷ lệ biểu quyết của Công ty CP - Tập đoàn Thaingroup tại Công ty CP Bình Minh giảm còn 45,45%, Công ty CP Bình Minh Group trở thành công ty liên kết.

3. Một số chỉ tiêu tài chính

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2021 | Năm 2022 |
|--|-------------|----------|----------|
| Cơ cấu tài sản | | | |
| - Tài sản ngắn hạn/tổng tài sản | % | 22,64% | 27,22% |
| - Tài sản dài hạn/tổng tài sản | % | 77,36% | 72,78% |
| Cơ cấu nguồn vốn | | | |
| - Nợ phải trả/tổng nguồn vốn | % | 46,19% | 28,23% |
| - Nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn | % | 53,81% | 71,77% |
| Khả năng thanh toán | | | |
| - Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn) | Lần | 0,66 | 1,13 |
| - Khả năng thanh toán nhanh | Lần | 0,63 | 1,11 |
| Tỷ suất sinh lời | | | |
| - LN sau thuế/Doanh thu thuần (ROS) | % | 6,00% | 7,32% |
| - LN sau thuế/Tổng Tài sản (ROA) | % | 4,69% | 3,64% |
| - LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) | % | 8,72% | 5,07% |

- *Cơ cấu tài sản của Công ty:* tỷ trọng Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản năm 2022 tăng so với năm 2021, cơ cấu tài sản của Công ty thay đổi theo hướng tăng tỷ trọng tài sản ngắn hạn, giảm tỷ trọng tài sản dài hạn.
- *Cơ cấu nguồn vốn của Công ty:*
 - + *Hệ số nợ giảm* thể hiện khoản nợ phải trả giảm do Công ty đã trả tiền vay ngân hàng.
 - + *Hệ số tài trợ* (Nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn) tăng phản ánh khả năng tự chủ của doanh nghiệp về tài chính tốt hơn so với năm 2021.

- + *Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn tăng từ lên 0,66 lên 1,13 và Khả năng thanh toán nhanh của Công ty cũng tăng từ 0,63 lên 1,11 phản ánh khả năng tài chính để trả các khoản nợ ngắn hạn của Công ty tốt hơn năm 2021.*
- + *Khả năng sinh lời của Công ty thông qua chỉ số ROS năm 2022 tăng từ 6% năm 2021 lên 7,32% năm 2022 cho thấy khả năng sinh lời của doanh thu đã được cải thiện.*
- + *Hiệu quả sử dụng tài sản thông qua chỉ số ROA năm 2022 giảm nhẹ so với năm 2021 (từ 4,69% xuống 3,64%) cho thấy mức độ hiệu quả khi sử dụng tài sản của Công ty bị giảm sút.*
- + *Chỉ số ROE năm 2022 tiếp tục giảm từ 8,72% của năm 2021 xuống 5,07% thể hiện Công ty đang quản lý và sử dụng chưa hiệu quả nguồn vốn tự có.*

II. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

- Theo Kế hoạch ngân sách năm 2022, thù lao HĐQT và BKS là: 492.000.000 đồng.
- Năm 2022, Tổng quỹ lương của Công ty là 10.519.725.716 đồng, trong đó Lương TGD là 909.000.000 đồng, thù lao HĐQT và BKS là 506.000.000 đồng.

PHẦN II

NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

I. Đánh giá việc thực hiện kế hoạch năm 2022

Năm 2022, HĐQT luôn quan tâm chỉ đạo và giám sát Ban Tổng Giám đốc về việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, huy động và quản lý nguồn vốn đầu tư.

Chủ tịch HĐQT thường xuyên tham gia các cuộc họp giao ban hàng tháng để nắm rõ tình hình kinh doanh và có ý kiến chỉ đạo, định hướng cũng như giải quyết những đề xuất, kiến nghị trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, do tình hình kinh doanh khó khăn chung của nền kinh tế, hoạt động kinh doanh của Công ty bị giảm sút, các chỉ tiêu đều không đạt kế hoạch.

II. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành

BKS đã tham dự một số cuộc họp với vai trò giám sát viên để nắm tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tham gia đóng góp ý kiến với trách nhiệm và quyền hạn của BKS.

Trong năm 2022, HĐQT đã họp và ban hành 20 Nghị quyết/Quyết định. Trong đó, ngày 30/9/2022, HĐQT đã ban hành Sơ đồ tổ chức mới của Công ty, qua đó giúp kiện toàn cơ cấu tổ chức, nhân sự và phân công nhiệm vụ cụ thể của các thành viên, giúp hoạt

động của Công ty đạt được tính thống nhất, hiệu quả và linh hoạt. Điểm nổi bật của Sơ đồ tổ chức mới là việc Ban Kiểm soát nội bộ từ chỗ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nay trực thuộc HĐQT. Việc này sẽ giúp củng cố hoạt động quản trị rủi ro trong các hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã triển khai thực thi Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT.

III. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và cổ đông

Năm 2022, BKS đã được HĐQT, Ban Tổng Giám đốc tạo điều kiện để BKS thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Quy chế hoạt động của BKS.

Trong năm 2022, BKS không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về vi phạm của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

IV. Kiến nghị

Sau quá trình làm việc nghiêm túc, trên cơ sở các tài liệu được cung cấp, BKS kiến nghị những vấn đề sau:

1. Tính toán xem xét tính hiệu quả của các khoản đầu tư trong bối cảnh kinh tế khó khăn, nếu cần thiết có thể thu hẹp các khoản đầu tư để bảo toàn vốn cho Công ty.
2. Tính toán xem xét tính hiệu quả của các phương án kinh doanh truyền thống, cân đối số vốn tự có để thực hiện các hoạt động này. Số vốn thiếu vay ngân hàng để bổ sung vốn lưu động cần căn cứ phương án kinh doanh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, sử dụng vốn đúng mục đích, quan tâm đến hiệu quả vốn đầu tư, tránh rủi ro trong thanh toán.
3. Đôn đốc thu hồi các khoản phải thu, ứng trước tiền trong đầu tư tài chính, kinh doanh thương mại, tránh để công nợ kéo dài.
4. Các khoản chi cần tuân thủ các quy định về chế độ kế toán.
5. Xây dựng quy định về thẩm quyền phê duyệt vốn đầu tư, vốn trong hoạt động kinh doanh của HĐQT và TGD.
6. Rà soát, chỉnh sửa quy trình kiểm tra, luân chuyển chứng từ kế toán.
7. Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý và cán bộ nghiệp vụ.
8. Xây dựng và ban hành Quy chế trả lương áp dụng trong năm 2023.

9. Nâng cấp, ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin vào điều hành kinh doanh, quảng bá thương hiệu.

Trên đây là Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.

Kính trình Đại hội.

Nơi nhận:

- *Như Kính gửi;*
- *CBTT;*
- *Lưu: BKS, HCNS, BPC.*

**TM. BAN KIỂM SOÁT
QUYỀN TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

Nguyễn Thu Vân

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
VÀ KIỂM SOÁT VIÊN NĂM 2022**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thaiholdings

Ban Kiểm soát (“**BKS**”) Công ty Cổ phần Thaiholdings (“**Công ty**”) trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông (“**DHĐCD**”) về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát (“**BKS**”) trong năm 2022 như sau:

1. Thành viên và cơ cấu của BKS:

| STT | Thành viên BKS | Chức vụ | Ngày bắt đầu là thành viên BKS | Ngày không còn là thành viên BKS | Trình độ chuyên môn |
|-----|-------------------|------------------------------------|--------------------------------|--|-----------------------------|
| 1 | Ông Bùi Lê Quang | Trưởng BKS | 23/05/2021 | Có Đơn xin từ nhiệm ngày 31/08/2022 (từ nhiệm ngày 01/10/2022) | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh |
| 2 | Bà Nguyễn Thu Vân | Thành viên BKS Quyền trưởng BKS | 29/04/2022 01/10/2022 | | Cử nhân Tài chính |
| 3 | Bà Dư Thị Hải Yến | Thành viên BKS | 29/02/2020 | | Cử nhân Kế toán |

2. Hoạt động của BKS:

| STT | Thành viên BKS | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|-----|------------------|---------------------|-------------------|------------------|--|
| 1 | Ông Bùi Lê Quang | 04 | 100% | 100% | Có Đơn xin từ nhiệm ngày 31/08/2022 (từ nhiệm ngày 01/10/2022) |

| STT | Thành viên BKS | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|-----|-------------------|------------------------|----------------------|---------------------|----------------------------|
| 2 | Bà Nguyễn Thu Vân | 04 | 100% | 100% | |
| 3 | Bà Dư Thị Hải Yến | 04 | 100% | 100% | |

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông:

Thực hiện theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế hoạt động của BKS, BKS Công ty đã có sự phân công cụ thể đối với từng thành viên. BKS đã thực hiện các vai trò:

- Giám sát Hội đồng quản trị (“**HDQT**”) và Ban điều hành trong việc thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ;
- Thực hiện kiểm tra, giám sát việc lập Báo cáo tài chính quý, các báo cáo soát xét định kỳ, bán niên và báo cáo năm; BKS giám sát việc thực hiện chế độ hạch toán theo quy định của Bộ Tài chính, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông;
- Tham dự các cuộc họp HDQT (nếu được mời), đóng góp các ý kiến trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình; kiến nghị với HDQT và Ban Tổng Giám đốc các vấn đề còn tồn tại;
- Phối hợp với Ban Kiểm toán nội bộ và lưu ý một số hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao, nâng cao năng lực kiểm soát phù hợp với thực tế phát triển của môi trường kinh doanh;
- Lưu ý Kế toán trưởng trong việc ghi chép hạch toán; cập nhật, báo cáo kịp thời Ban Tổng Giám đốc những khó khăn vướng mắc trong công tác kế toán tài chính để Ban Tổng Giám đốc có ý kiến chỉ đạo;
- Sẵn sàng tiếp nhận những ý kiến của các cổ đông tham gia đóng góp ý kiến và tổ chức kiểm tra theo yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông;
- Trong năm 2022, BKS không nhận được bất kỳ khiếu nại nào của cổ đông về vi phạm của HDQT, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

- Giữa BKS, HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty đã duy trì được mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các Quy chế nội bộ;
- Các ý kiến của BKS đều được HĐQT và Ban Tổng Giám đốc tiếp nhận và có ý kiến phản hồi kịp thời, giải quyết được nhiều vấn đề còn vướng mắc.

5. Hoạt động khác của BKS

Ngoài việc kiểm tra, giám sát các hoạt động, BKS còn thực hiện một số công việc sau:

- Tham gia đóng góp ý kiến với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong công tác điều hành, thực hiện các hoạt động nghiệp vụ tại Công ty;
- Phối hợp với Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện kiểm tra, kiểm soát định kỳ và đột xuất các hoạt động nghiệp vụ tại Công ty;
- Hỗ trợ và cho ý kiến để chuẩn hóa hệ thống Báo cáo quản trị nội bộ, các quy trình, quy chế của Công ty;
- Phân tích, đánh giá độc lập hoạt động kinh doanh của Công ty, đưa ra các khuyến nghị kịp thời và các biện pháp chấn chỉnh, khắc phục sai sót, hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh;
- Đóng góp ý kiến xây dựng, hoàn thiện kế hoạch kinh doanh 2022 và các mục tiêu hoạt động khác của Công ty.

6. Kế hoạch làm việc của Ban Kiểm soát năm 2023

Để hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, BKS kính trình ĐHĐCĐ kế hoạch làm việc năm 2023 như sau:

- Thực hiện kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc;
- Thực hiện kiểm soát Công ty định kỳ 6 tháng và cả năm;
- Thực hiện kiểm soát Công ty theo yêu cầu của HĐQT hoặc cổ đông/nhóm cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- Tham gia các cuộc họp của HĐQT (nếu được mời);

- Duy trì sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các Phòng/Ban/Đơn vị chức năng trong Công ty.

Trên đây là Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên năm 2022.

BKS xin cảm ơn các quý vị Cổ đông đã tin tưởng giao nhiệm vụ. Cảm ơn HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận có liên quan đã tạo điều kiện để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

Rất mong nhận được sự ủng hộ lâu dài của Quý cổ đông, các đối tác và các khách hàng. Chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Nơi nhận:

- *Như Kính gửi;*
- *CBTT;*
- *Lưu: BKS, BHCNS, BPC.*

**TM. BAN KIỂM SOÁT
QUYỀN TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

Nguyễn Thu Vân

Số: .../2023/TTr-HĐQT/THD

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thaiholdings

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thaiholdings;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ/THD của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Thaiholdings ngày 29/04/2022;
- Căn cứ Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐQT/THD của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thaiholdings ngày 28/06/2022;
- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 của Công ty Cổ phần Thaiholdings đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thaiholdings (“**Công ty**”) kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY, chi tiết như sau:

1. Toàn văn Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 17/03/2023 tại đường dẫn <https://thaiholdings.com.vn/quan-he-co-dong/>.
2. Các chỉ tiêu cơ bản của Báo cáo tài chính riêng & Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 được trình bày dưới đây:

| Stt | Các chỉ tiêu cơ bản | Đvt | BCTC hợp nhất | BCTC riêng |
|-----|----------------------|------|-------------------|-------------------|
| 1 | Tổng tài sản | đồng | 8.274.995.107.649 | 5.220.873.909.835 |
| 2 | Doanh thu thuần | đồng | 4.112.639.747.243 | 1.819.098.893.513 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | đồng | 414.715.285.866 | 287.745.902.949 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | đồng | 301.166.656.240 | 229.773.692.407 |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, cho ý kiến và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- CBTT;
- Lưu: Ban HCNS, BPC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Thuyết

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua phương án trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thaiholdings

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thaiholdings;
- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 của Công ty Cổ phần Thaiholdings đã được kiểm toán,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thaiholdings kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua phương án trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

| Stt | Nội dung | Số tiền | Ghi chú |
|------------|---|------------------------|----------|
| I | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 607.438.680.948 | |
| 1 | Năm trước để lại | 377.664.988.541 | |
| 2 | Năm 2022 (BCTC đã kiểm toán) | 229.773.692.407 | |
| II | Lợi nhuận sau thuế được phân phối | 362.637.553.082 | |
| 1 | Cổ tức bằng cổ phiếu | 350.000.000.000 | 10% VDL |
| 2 | Quỹ đầu tư phát triển | 11.488.684.620 | I.2*5% |
| 3 | Quỹ khen thưởng phúc lợi | 1.148.868.462 | I.2*0,5% |
| III | Lợi nhuận sau thuế được phân phối để lại | 244.801.127.866 | III=I-II |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thaiholdings xem xét, cho ý kiến và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhân:

- Như Kính gửi;
- CBTT;
- Lưu: Ban HCNS, BPC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Thuyết

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THAIHOLDINGS**
Số:/2023/TTr-BKS/THD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày tháng năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thaiholdings

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thaiholdings,

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thaiholdings (“**Công ty**”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) phê duyệt các tiêu chí và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty như sau:

1. Là công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức có lợi ích công chúng năm 2023;
2. Có kinh nghiệm kiểm toán cho các công ty, tập đoàn lớn trong lĩnh vực sản xuất và đầu tư xây dựng; kinh doanh du lịch; tài chính;
3. Có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ và nhiều kinh nghiệm;
4. Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
5. Đáp ứng được yêu cầu của công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
6. Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng kiểm toán trên cơ sở xem xét các văn bản chào phí kiểm toán và phạm vi kiểm toán.

Kính trình ĐHCĐ Công ty xem xét, cho ý kiến và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhân:

- Như Kính gửi;
- CBTT;
- Lưu: Ban HCNS, BPC.

TM. BAN KIỂM SOÁT
QUYỀN TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Nguyễn Thu Vân

TỜ TRÌNH

V/v: Quyết toán thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022
và Phương án thù lao năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thaiholdings

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thaiholdings;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ/THD ngày 29/04/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Thaiholdings,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thaiholdings (“**Công ty**”) kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc quyết toán thù lao thành viên Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”), Ban Kiểm soát (“**BKS**”) năm 2022 và Phương án thù lao năm 2023 của Công ty như sau:

1. Thù lao của HĐQT và BKS năm 2022:

a) Kế hoạch chi trả thù lao đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt năm 2022:

| Hội đồng quản trị | Ban Kiểm soát |
|---|---|
| + Chủ tịch: 10.000.000 đồng/tháng; | + Trưởng BKS: 5.000.000 đồng/tháng; |
| + Thành viên: 5.000.000 đồng/người/tháng. | + Thành viên: 3.000.000 đồng/người/tháng. |

b) Thực hiện: Căn cứ số lượng thành viên HĐQT và BKS của Công ty hiện tại, tổng mức thù lao chi trả cho HĐQT và BKS năm 2022 là: **491.000.000 đồng** (Chi tiết như Bảng tính thù lao đính kèm).

2. Phương án thù lao của HĐQT và BKS năm 2023:

Kế hoạch chi trả thù lao trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt năm 2023:

| Hội đồng quản trị | Ban Kiểm soát |
|---|---|
| + Chủ tịch: 10.000.000 đồng/tháng; | + Trưởng BKS: 5.000.000 đồng/tháng; |
| + Thành viên: 5.000.000 đồng/người/tháng. | + Thành viên: 3.000.000 đồng/người/tháng. |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, cho ý kiến và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhân:

- Như Kính gửi;
- CBTT;
- Lưu: Ban HCNS, BPC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thuyết

BẢNG TÍNH THÙ LAO
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

| Stt | Họ và tên | Chức vụ | Năm 2022 | Ghi chú |
|------------|----------------------|------------------|--------------------|--|
| 1 | Nguyễn Văn Thuyết | Chủ tịch HĐQT | 120.000.000 | |
| 2 | Nguyễn Văn Dũng | TV HĐQT | 60.000.000 | |
| 3 | Nguyễn Chí Kiên | TV HĐQT | 20.000.000 | Miễn nhiệm ngày 29/04/2022 |
| 4 | Nguyễn Văn Khoa | TV HĐQT | 60.000.000 | |
| 5 | Vũ Ngọc Định | TV HĐQT | 60.000.000 | |
| 6 | Trần Thị Thanh Giang | TV độc lập HĐQT | 60.000.000 | |
| 7 | Bùi Lê Quang | | 45.000.000 | Có Đơn xin từ nhiệm ngày 31/08/2022, trong đó, xin từ nhiệm từ ngày 01/10/2022 |
| 8 | Nguyễn Thu Vân | Quyền Trưởng BKS | 15.000.000 | Bầu ngày 01/10/2022 |
| 9 | Dư Thị Hải Yến | Thành viên BKS | 36.000.000 | |
| 10 | Nguyễn Thu Vân | Thành viên BKS | 15.000.000 | Bầu ngày 29/04/2022 |
| 11 | Tổng cộng | | 491.000.000 | |

TỜ TRÌNH

V/v: Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2019 – 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thaiholdings

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thaiholdings;
- Căn cứ Đơn từ nhiệm của ông Nguyễn Văn Khoa,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thaiholdings (“**Công ty**”) kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019-2024 do có Đơn từ nhiệm như sau:

- Miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Văn Khoa.
- Thời gian: Kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, cho ý kiến và thông qua./.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- CBTT;
- Lưu: Ban HCNS, BPC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Thuyết

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THAIHOLDINGS**
Số:/2023/TTr-HĐQT/THD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày tháng năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 - 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thaiholdings

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thaiholdings;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thaiholdings ("**Công ty**") kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị Công ty như sau:

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo Điều lệ Công ty: từ 03 (ba) đến 11 (mười một) thành viên.
- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị được bầu thay thế: thành viên.
- Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị bầu mới: thời hạn còn lại của nhiệm kỳ 2019-2024.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua việc bầu thành viên Hội đồng quản trị trên cơ sở danh sách ứng viên được đề cử, ứng cử hợp lệ.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, cho ý kiến và thông qua./.

Trân trọng!

Nơi nhân:

- Như Kính gửi;
- CBTT;
- Lưu: Ban HCNS, BPC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Thuyết

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THAIHOLDINGS**

Số:/2023/TTr-HĐQT/THD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2019 - 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thaiholdings

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thaiholdings;
- Căn cứ Đơn từ nhiệm của ông *Bùi Lê Quang* ngày 31/08/2022,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thaiholdings kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2019-2024 do có Đơn từ nhiệm như sau:

- Miễn nhiệm chức vụ thành viên Ban Kiểm soát đối với ông *Bùi Lê Quang*.
- Thời gian: Kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thaiholdings xem xét, cho ý kiến và thông qua./.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- CBTT;
- Lưu: Ban HCNS, BPC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Thuyết

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THAIHOLDINGS**
Số:/2023/TTr-HĐQT/THD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày tháng năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Bầu thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2019 - 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thaiholdings

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thaiholdings,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thaiholdings ("**Công ty**") kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc bầu thành viên Ban Kiểm soát Công ty như sau:

- Số lượng thành viên Ban Kiểm soát theo Điều lệ Công ty: 01 (một) thành viên.
- Số lượng thành viên Ban Kiểm soát được bầu: 01 (một) thành viên.
- Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát bầu mới: thời hạn còn lại của nhiệm kỳ 2019-2024.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua việc bầu 01 (một) thành viên Ban Kiểm soát trên cơ sở danh sách ứng cử viên được đề cử, ứng cử hợp lệ.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, cho ý kiến và thông qua./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- CBTT;
- Lưu: Ban HCNS, BPC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Thuyết

TỜ TRÌNH

V/v: Thay thế toàn văn Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thaiholdings

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (“**Luật Doanh nghiệp**”);
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 (“**Luật Chứng khoán**”);
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“**Nghị định số 155/2020/NĐ-CP**”);
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về Quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP (“**Thông tư số 116/2020/TT-BTC**”);
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thaiholdings,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thaiholdings (“**Công ty**”) kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thay thế toàn văn Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty.

Chi tiết tại Bản dự thảo Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC và phù hợp với tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, cho ý kiến và thông qua toàn văn Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty (Dự thảo chi tiết xem tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này)/.

Trân trọng!

Nơi nhân:

- Như Kính gửi;
- CBTT;
- Lưu: Ban HCNS, BPC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Thuyết

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| PHẦN MỞ ĐẦU | 4 |
| I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ | 4 |
| Điều 1. Giải thích thuật ngữ | 4 |
| II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY | 5 |
| Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty | 5 |
| Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty | 5 |
| III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY | 5 |
| Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty | 5 |
| Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty | 9 |
| IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP | 9 |
| Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập | 9 |
| Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu | 10 |
| Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác | 10 |
| Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần | 10 |
| Điều 10. Thu hồi cổ phần | 11 |
| V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT | 11 |
| Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát | 11 |
| VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG | 11 |
| Điều 12. Quyền của cổ đông | 11 |
| Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông | 13 |
| Điều 14. Đại hội đồng cổ đông | 14 |
| Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông | 15 |
| Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông | 17 |
| Điều 17. Thay đổi các quyền | 17 |
| Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông | 18 |
| Điều 19. Các điều kiện tiên hành họp Đại hội đồng cổ đông | 19 |
| Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông | 20 |
| Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua | 22 |
| Điều 22. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông | 22 |
| Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông | 24 |
| Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông | 25 |
| VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 25 |
| Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị | 25 |
| Điều 26. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị | 26 |
| Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị | 26 |
| Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị | 27 |
| Điều 29. Thủ lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị | 28 |
| Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị | 29 |
| Điều 31. Cuộc họp của Hội đồng quản trị | 29 |
| Điều 32. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị | 31 |

| | | |
|----------|--|----|
| Điều 33. | Người phụ trách quản trị công ty..... | 31 |
| VIII. | TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC..... | 32 |
| Điều 34. | Tổ chức bộ máy quản lý | 32 |
| Điều 35. | Người điều hành Công ty | 32 |
| Điều 36. | Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc..... | 32 |
| IX. | BAN KIỂM SOÁT | 33 |
| Điều 37. | Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát..... | 33 |
| Điều 38. | Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát | 33 |
| Điều 39. | Thành phần Ban kiểm soát | 34 |
| Điều 40. | Trưởng Ban kiểm soát | 35 |
| Điều 41. | Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát | 35 |
| Điều 42. | Cuộc họp của Ban kiểm soát | 36 |
| Điều 43. | Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát | 36 |
| X. | TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC..... | 36 |
| Điều 44. | Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi..... | 36 |
| Điều 45. | Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường..... | 37 |
| XI. | QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY | 38 |
| Điều 46. | Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ | 38 |
| XII. | CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN | 38 |
| Điều 47. | Công nhân viên và công đoàn..... | 39 |
| XIII. | PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN..... | 39 |
| Điều 48. | Phân phối lợi nhuận..... | 39 |
| XIV. | TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN | 39 |
| Điều 49. | Tài khoản ngân hàng..... | 39 |
| Điều 50. | Năm tài chính..... | 40 |
| Điều 51. | Chế độ kế toán | 40 |
| XV. | BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN..... | 40 |
| Điều 52. | Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý..... | 40 |
| Điều 53. | Báo cáo thường niên..... | 40 |
| XVI. | KIỂM TOÁN CÔNG TY | 40 |
| Điều 54. | Kiểm toán | 40 |
| XVII. | DẤU CỦA DOANH NGHIỆP | 41 |
| Điều 55. | Dấu của doanh nghiệp | 41 |
| XVIII. | GIẢI THỂ CÔNG TY | 41 |
| Điều 56. | Giải thể công ty..... | 41 |
| Điều 57. | Gia hạn hoạt động..... | 41 |
| Điều 58. | Thanh lý..... | 41 |
| XIX. | GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ | 42 |
| Điều 59. | Giải quyết tranh chấp nội bộ..... | 42 |
| XX. | BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ | 43 |
| Điều 60. | Điều lệ công ty..... | 43 |
| XXI. | NGÀY HIỆU LỰC..... | 43 |
| Điều 61. | Ngày hiệu lực..... | 43 |
| | PHỤ LỤC 01 | 44 |

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty Cổ phần Thaiholdings (sau đây gọi là “**Công ty**”) là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty - một công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Điều lệ, các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với pháp luật liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này thông qua theo Nghị quyết số/2023/NQ-ĐHĐCĐ/THD của Đại hội đồng cổ đông Công ty tổ chức vào ngày tháng năm 2023.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, trừ khi ngữ cảnh bắt buộc phải hiểu khác đi, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “**Vốn điều lệ**” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. “**Vốn có quyền biểu quyết**” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. “**Luật Doanh nghiệp**” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d. “**Luật Chứng khoán**” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - e. “**Việt Nam**” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - f. “**Ngày thành lập**” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g. “**Người điều hành doanh nghiệp**” là Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;
 - h. “**Người quản lý doanh nghiệp**” là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - i. “**Người có liên quan**” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - j. “**Cổ đông**” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một (01) cổ phần của Công ty;
 - k. “**Cổ đông sáng lập**” là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty;
 - l. “**Cổ đông lớn**” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - m. “**Thời hạn hoạt động**” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

- n. “**Sở giao dịch chứng khoán**” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không làm ảnh hưởng khác đi tới các nội dung được quy định trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS**
 - Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **THAIHOLDINGS JOINT STOCK COMPANY**
 - Tên Công ty viết tắt: **THAIHOLDINGS, JSC**
2. Công ty là công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
 - Địa chỉ trụ sở chính: **Số 210 Đường Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**
 - Điện thoại: **02439689898**
 - Fax: **02435259898**
 - Website: **www.thaiholdings.com.vn**
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Điều 56 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 57 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 (một) Người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc Công ty.
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty

| TT | Tên ngành, nghề kinh doanh | Mã ngành, nghề kinh doanh |
|-----------|--|----------------------------------|
| 1 | Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp | 2816 |
| 2 | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao | 2394 |
| 3 | Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá | 2396 |
| 4 | Sản xuất các cấu kiện kim loại | 2511 |
| 5 | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại | 2592 |
| 6 | Khai thác dầu thô | 0610 |
| 7 | Khai thác khí đốt tự nhiên | 0620 |
| 8 | Khai thác quặng sắt | 0710 |
| 9 | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt | 0722 |
| 10 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên | 0910 |
| 11 | Vận tải hành khách ven biển và viễn dương | 5011 |
| 12 | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương | 5012 |
| 13 | Vận tải hành khách đường thủy nội địa | 5021 |
| 14 | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa | 5022 |
| 15 | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa | 5210 |
| 16 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy | 5222 |
| 17 | Bốc xếp hàng hóa | 5224 |
| 18 | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Dịch vụ xếp chỗ ở khách sạn | 5510 |
| 19 | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác, gồm: Bán buôn than đá, than non, than bùn, than củi, than cốc, gỗ nhiên liệu. | 4661 |
| 20 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663 |
| 21 | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động | 5610 |
| 22 | Dịch vụ ăn uống khác | 5629 |
| 23 | Dịch vụ phục vụ đồ uống | 5630 |
| 24 | Đóng tàu và cấu kiện nổi | 3011 |
| 25 | Sửa chữa máy móc, thiết bị | 3312 |
| 26 | Khai thác, xử lý và cung cấp nước | 3600 |
| 27 | Phá dỡ | 4311 |
| 28 | Lắp đặt hệ thống điện | 4321 |

| TT | Tên ngành, nghề kinh doanh | Mã ngành, nghề kinh doanh |
|-----------|---|----------------------------------|
| 29 | Hoàn thiện công trình xây dựng | 4330 |
| 30 | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác | 4390 |
| 31 | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác | 4511 |
| 32 | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác | 4513 |
| 33 | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác | 4530 |
| 34 | Bán mô tô, xe máy | 4541 |
| 35 | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) | 4931 |
| 36 | Vận tải hành khách đường bộ khác | 4932 |
| 37 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ | 4933 |
| 38 | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí | 9000 |
| 39 | Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên | 9103 |
| 40 | Hoạt động của các cơ sở thể thao | 9311 |
| 41 | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề | 9321 |
| 42 | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu | 9329 |
| 43 | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: kinh doanh xoa bóp (mát xa, tắm quất) | 9610 |
| 44 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; | 6810 |
| 45 | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: tư vấn, môi giới, quản lý bất động sản; | 6820 |
| 46 | Hoạt động tư vấn quản lý (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | 7020 |
| 47 | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động kiến trúc; Hoạt động đo đạc bản đồ; Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác; | 7110 |
| 48 | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật | 7120 |

| TT | Tên ngành, nghề kinh doanh | Mã ngành, nghề kinh doanh |
|-----------|--|----------------------------------|
| 49 | Quảng cáo Chi tiết: Trừ dịch vụ quảng cáo thuốc lá | 7310 |
| 50 | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận Chi tiết: Trừ dịch vụ thăm dò ý kiến công chúng | 7320 |
| 51 | Cho thuê xe có động cơ | 7710 |
| 52 | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí | 7721 |
| 53 | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí | 4322 |
| 54 | Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, gồm: - Bán buôn thịt gia súc, gia cầm tươi, đông lạnh, sơ chế; Bán buôn các sản phẩm từ thịt gia súc, gia cầm, nội tạng thịt từ gia súc, gia cầm, trừ bán buôn gia súc, gia cầm sống. | 4632 |
| 55 | Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép | 4662 |
| 56 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn thạch cao | 4669 |
| 57 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác Chi tiết: Hoạt động cung cấp dịch vụ thăm dò theo phương pháp truyền thống và lấy mẫu quặng, thực hiện các quan sát địa chất tại khu vực có tiềm năng | 0990 |
| 58 | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao | 2395 |
| 59 | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng | 5621 |
| 60 | Sản xuất điện | 3511 |
| 61 | Xây dựng nhà để ở | 4101 |
| 62 | Xây dựng nhà không để ở | 4102 |
| 63 | Xây dựng công trình đường sắt | 4211 |
| 64 | Xây dựng công trình đường bộ | 4212 |
| 65 | Xây dựng công trình cấp, thoát nước | 4222 |
| 66 | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc | 4223 |
| 67 | Xây dựng công trình công ích khác | 4229 |
| 68 | Xây dựng công trình thủy | 4291 |

| TT | Tên ngành, nghề kinh doanh | Mã ngành, nghề kinh doanh |
|-----------|--|----------------------------------|
| 69 | Xây dựng công trình khai khoáng | 4292 |
| 70 | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo | 4293 |
| 71 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Giao thông, thủy lợi, công nghiệp, nạo vét các tuyến sông và công trình thủy lợi, khoan phụt, gia cố đê điều | 4299 (Chính) |

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất thương mại và các dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh nhằm đạt hiệu quả kinh tế tốt nhất cho các cổ đông, tạo công ăn việc làm cho người lao động, thực hiện tốt nhất chính sách của Nhà nước; tăng lợi nhuận, lợi tức cho cổ đông đồng thời tái đầu tư để phát triển bền vững.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

- Vốn điều lệ của Công ty là 3.500.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba nghìn năm trăm tỷ đồng*).
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 350.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
- Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
- Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- Tên, địa chỉ, quốc tịch, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại Phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ

phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và pháp luật khác có liên quan.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 (hai) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
3. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ này, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ

đồng trong Công ty;

- d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
1. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
 - a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày

khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

- e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ này có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu Người đại diện theo pháp luật của Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại;
- d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán

được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

- m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
- 2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; thành viên độc lập Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 (ba) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - p. Quyết định mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều

của Luật Chứng khoán;

- s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
- 2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

- 3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

- 1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 (hai) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (một phần ba) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong

Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% (năm phần trăm) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản

2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
 - b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa cuộc họp không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký cuộc họp và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề

trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu

quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ này quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
 - e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu từ 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% (một trăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất kỳ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;

- c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu từ 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ này;
 - g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a. Các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp;
 - b. Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 (năm) công ty khác.

Điều 26. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ.
2. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ.

Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 03 (ba) đến 11 (mười một) người. Số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp:

- a. Bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp;
- b. Có đơn từ nhiệm/từ chức gửi tới Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông của Công ty.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ này và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác (nếu có) của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ này quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

- k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, tổ chức khoa học công nghệ trực thuộc và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
 - q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ này.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 29. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
- 3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- 4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- 5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới

tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ này.

Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 31. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi qua đường bưu điện, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ này quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 10 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 32. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 (ba) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Trưởng tiểu ban phải là thành viên Hội đồng quản trị, được bổ nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Hội đồng quản trị cũng có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc khác để thực hiện các công việc mà Hội đồng quản trị cho là cần thiết ngoài các tiểu ban quy định tại Khoản 1 Điều này. Các quy định về số lượng thành viên, tiêu chuẩn và điều kiện để làm thành viên của tiểu ban này sẽ do Hội đồng quản trị quyết định tùy thuộc vào tình hình thực tế.
3. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có một (01) Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, một (01) Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 35. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác của Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.
2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
 - g. Tuyển dụng lao động;
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần

sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ.

2. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ.

Điều 39. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 (ba) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 42. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 43. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, người quản

lý khác của Công ty và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát từ 50% (năm mươi phần trăm) trở lên Vốn điều lệ của Công ty với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác của Công ty và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công ty và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 46. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 47. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 48. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Đối với cổ phiếu chưa thực hiện lưu ký, việc chi trả cổ tức thực hiện thông qua ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu đã lưu ký, việc thanh toán cổ tức được tiến hành thông qua Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 49. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 50. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày thứ nhất của tháng đầu tiên của năm dương lịch và kết thúc vào ngày cuối cùng của tháng cuối cùng của cùng năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc tài liệu tương đương) lần đầu và kết thúc vào ngày cuối cùng của tháng cuối cùng của năm đó.

Điều 51. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 52. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 53. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 54. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa

chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 55. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 56. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 57. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 (bảy) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 58. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 (sáu) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm

03 (ba) thành viên, trong đó 02 (hai) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 (một) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 (một) công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ điểm a đến điểm d trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 59. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 60. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 61. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 Mục, 61 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thaiholdings nhất trí thông qua ngày tháng năm 2023 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 02 (hai) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

TM. CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Nguyễn Văn Thuyết

PHỤ LỤC 01
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

| STT | Tên cổ đông | Địa chỉ | Quốc tịch |
|------------|-------------------------------------|---|------------------|
| 1 | Công ty Cổ phần Xuân Thành Group | Số nhà 8, đường 1, phố 9, Phường Đông Thành, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình | |
| 2 | Nguyễn Đức Thụy | Tổ 11E, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội | Việt Nam |
| 3 | Nguyễn Chí Kiên | Thôn Kỳ Vĩ, Xã Ninh Nhất, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình | Việt Nam |

TỜ TRÌNH

V/v: Thay thế toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thaiholdings

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (“**Luật Doanh nghiệp**”);
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 (“**Luật Chứng khoán**”);
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“**Nghị định số 155/2020/NĐ-CP**”);
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về Quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP (“**Thông tư số 116/2020/TT-BTC**”);
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thaiholdings;
- Căn cứ Quy chế quản trị nội bộ công ty được ban hành tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 23/05/2021,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thaiholdings (“**Công ty**”) kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thay thế toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Chi tiết tại Bản dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC và phù hợp với tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, cho ý kiến và thông qua toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (Dự thảo chi tiết xem tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này)/.

Trân trọng!

Nơi nhân:

- Như Kính gửi;
- CBTT;
- Lưu: Ban HCNS, BPC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Thuyết

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2021

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Thaiholdings;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số/2023/NQ-ĐHĐCĐ/THD ngày tháng năm 2023.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Thaiholdings.

Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Thaiholdings bao gồm các nội dung sau:

ĐIỀU 1. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

ĐIỀU 2. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

Trừ khi ngữ cảnh có quy định khác, các thuật ngữ được sử dụng trong Quy Chế này sẽ

có ý nghĩa tương tự trong Điều lệ của Công ty.

ĐIỀU 3. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Theo Điều 15 Điều Lệ Công Ty quy định về quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, một số quyền và nghĩa vụ được hiểu và quy định như sau:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
- Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

2.1. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

2.1.1) Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn

bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2.1.2) Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường có thể do (1) Hội đồng quản trị hoặc (2) Ban kiểm soát; (3) Cổ Đông hay nhóm Cổ Đông sở hữu từ năm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên triệu tập. Cụ thể:

- Theo quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều Lệ của Công Ty, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra một trong các trường hợp sau đây, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Theo đó, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty trở lên được quyền yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp:

- a. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ Đông, nghĩa vụ của Người Quản Lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.
- b. Khi Hội đồng quản trị vi phạm Điều lệ Công Ty hoặc thực hiện trái với các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập thành văn bản và bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ Đông là tổ chức;
 - b. Số lượng cổ phần của từng Cổ Đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ Đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công Ty;

- c. Căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.
- d. Các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

Trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo quy định nêu trên thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp 2020. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

Trong trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp theo quy định nêu trên thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên của Công ty có quyền đại diện Công Ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

- Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra các trường hợp sau đây:
 - Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần năm (1/3) so với quy định tại Điều Lệ Công Ty;
 - Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không đảm bảo số lượng tối thiểu theo quy định tại Điều Lệ Công Ty và các quy định của pháp luật.
- Ngoài ra, Hội đồng quản trị còn có thể triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường khi Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty.

2.2. Thông báo về việc triệu tập họp và chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

- Trước khi tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định các vấn đề liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông như việc phân công nhiệm vụ chuẩn bị và công tác tổ chức cho các phòng, ban chuyên môn của Công ty. Theo đó, Ban tổ chức đại hội sẽ được thành lập để chuẩn bị và triển khai các công tác phục vụ cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (“Ban tổ chức”). Ngoài ra, Hội đồng quản trị phải xác định ngày đăng ký cuối cùng để làm cơ sở lập danh sách cổ đông có quyền dự họp.
- Sau khi họp Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị sẽ ban hành Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong đó nêu rõ lý do triệu tập, ngày chốt danh sách cổ đông

tham dự (ngày đăng ký cuối cùng), ngày diễn ra cuộc họp và địa điểm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.

- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
- Thông báo về việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Công Ty niêm yết, đăng ký giao dịch và trên website của Công Ty.
- Ngoài ra, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ phải thực hiện các công việc sau đây:
 - Lập danh sách Cổ Đông có quyền dự họp;
 - Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ Đông;
 - Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - Gửi thông báo mời họp đến từng Cổ Đông có trong danh sách Cổ Đông có quyền dự họp;
 - Các công việc khác phục vụ cho cuộc họp.

2.3. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

- Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

- Việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp được thực hiện như sau:

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ chuẩn bị và gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền cho Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (“VSD”) để đề nghị VSD lập và gửi cho Công Ty danh sách Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng.

Hồ sơ đề nghị VSD lập danh sách cổ đông có quyền dự họp được thực hiện theo quy định của VSD được ban hành và có hiệu lực vào thời điểm đề nghị lập danh sách cổ đông có quyền dự họp.

- Bản danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có các thông tin sau:
 - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ

Đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ Đông là tổ chức;

- Số lượng cổ phần từng loại;
- Số và ngày đăng ký cổ đông của từng Cổ Đông.

2.4. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

- Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả các Cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ.
- Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, trong đó bao gồm các nội dung chủ yếu sau:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số đăng ký doanh nghiệp của Công Ty;
 - Tên, địa chỉ liên lạc của Cổ Đông;
 - Thời gian và địa điểm họp;
 - Nội dung cuộc họp;
 - Những yêu cầu đối với người dự họp nhằm đảm bảo cuộc họp được diễn ra thành công;
 - Đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp (trong trường hợp tài liệu họp không được gửi kèm theo thông báo mời họp).
- Các tài liệu sử dụng tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, được gửi kèm theo Thông báo mời họp hoặc/và đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty, bao gồm:
 - Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử (nếu có bầu cử);
 - Dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với các vấn đề trong chương trình họp.

2.5. Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

a) Người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập chương trình, nội dung cuộc họp đại hội đồng cổ đông.
- Nội dung cuộc họp phải là các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, kèm theo đó là các tài liệu thuyết minh, giải trình, các báo cáo liên quan

đến nội dung cuộc họp hoặc thông tin chi tiết của ứng viên trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát. Chương trình họp phải xác định rõ thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

- Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả các Cổ Đông có quyền dự họp theo cách thức được quy định tại Mục 2.4 Điều 3 của Quy chế này.
- b) Kiến nghị của Cổ Đông đưa vào chương trình họp
- Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty trở lên có quyền kiến nghị vấn đề để đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.
 - Kiến nghị phải được lập thành văn bản và được gửi đến cho Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty hoặc Ban tổ chức (trường hợp Hội đồng quản trị triệu tập họp) hoặc gửi đến Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông đại diện Công Ty triệu tập họp theo quy định tại Mục 2.1, Điều 3 của Quy chế này, chậm nhất là (bảy) 07 ngày làm việc trước ngày khai mạc để trình Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông xem xét, chuẩn bị tài liệu họp cho các kiến nghị này (trong trường hợp kiến nghị được người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận đưa vào chương trình họp). Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp và chữ ký của Cổ Đông hoặc tất cả các Cổ Đông trong nhóm Cổ Đông.
 - Trường hợp nhóm Cổ Đông cùng kiến nghị nội dung để đưa vào chương trình họp, thì kèm theo Văn bản kiến nghị, nhóm Cổ Đông phải gửi kèm theo Biên bản thống nhất nội dung đề xuất của nhóm Cổ Đông.
 - Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối các kiến nghị này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Mục này;
 - Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - Trong trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nêu trên thì phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do và phải trả lời chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp đại hội đồng cổ đông.
 - Nếu không thuộc các trường hợp từ chối nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp thuận và đưa các kiến nghị này vào chương trình và nội dung cuộc họp dự kiến, đồng thời đăng tải nội dung kiến nghị và các tài liệu họp liên quan đến kiến nghị này lên trang thông tin điện tử của Công Ty để các Cổ Đông theo dõi và xem xét. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

2.6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

- Cổ Đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông là tổ chức có thể ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác (“Người Được Ủy Quyền Dự Hợp”) tham dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người Được Ủy Quyền Dự Hợp không nhất thiết phải là Cổ Đông. Ngoài ra, Cổ Đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tham dự họp Đại hội đồng cổ đông. Văn bản ủy quyền không nhất thiết phải được lập theo mẫu của Công Ty, nhưng phải đảm bảo được lập theo đúng quy định của pháp luật về dân sự và phải đáp ứng các yêu cầu sau:
 - Phải nêu rõ thông tin của Cổ Đông và Người Được Ủy Quyền Dự Hợp. Nếu Cổ Đông và Người Được Ủy Quyền Dự Hợp là cá nhân thì nêu rõ tên, số căn cước công dân/hộ chiếu của cá nhân. Trường hợp Cổ Đông và Người Được Ủy Quyền Dự Hợp là tổ chức thì nêu rõ tên, mã số doanh nghiệp của tổ chức và địa chỉ trụ sở chính.
 - Số lượng cổ phần được ủy quyền (trường hợp có nhiều hơn một Người Được Ủy Quyền Dự Hợp thì phải xác định cụ thể số lượng cổ phần được ủy quyền của từng Người Được Ủy Quyền Dự Hợp. Trường hợp Cổ Đông không xác định rõ số lượng cổ phần được ủy quyền tương ứng cho từng Người Được Ủy Quyền Dự Hợp thì tự động được hiểu là số cổ phần của Cổ Đông sẽ được chia đều cho các Người Được Ủy Quyền Dự Hợp);
 - Nội dung ủy quyền và phạm vi ủy quyền: trong đó nêu cụ thể phạm vi và nội dung ủy quyền mà Người Được Ủy Quyền Dự Hợp được phép thực hiện;
 - Thời hạn ủy quyền (Cổ Đông phải đảm bảo văn bản ủy quyền phải còn hiệu lực cho đến khi hoàn thành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông); và
 - Phải có chữ ký của Cổ Đông (trường hợp Cổ Đông là cá nhân) hoặc người đại diện hợp pháp của Cổ Đông (trường hợp Cổ Đông là tổ chức) và chữ ký của Người Được Ủy Quyền Dự Hợp (trường hợp Người Được Ủy Quyền Dự Hợp là tổ chức thì phải có chữ ký của người đại diện hợp pháp).
- Người Được Ủy Quyền Dự Hợp phải xuất trình văn bản ủy quyền khi thực hiện thủ tục đăng ký dự họp hoặc có thể gửi trước thông tin về văn bản ủy quyền đến Ban tổ chức trước ngày khai mạc đại hội. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của Cổ Đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công Ty). Phạm vi ủy quyền lại phải giống với phạm vi ủy quyền ban đầu của Cổ Đông.
- Khi Cổ Đông chấm dứt hoặc thay đổi Người Được Ủy Quyền Dự Hợp thì phải thông báo bằng văn bản đến Công Ty trước ngày khai mạc đại hội.

2.7. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

- Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hợp có thể đăng ký tham dự họp Đại

hội đồng cổ đông của Công Ty trước ngày khai mạc bằng nhiều hình thức (miễn việc đăng ký tham dự này được thực hiện trong thời hạn được nêu trong Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông) cụ thể như: (1) gửi thư điện tử hay gửi fax về Công Ty; hoặc (2) đăng ký qua điện thoại; hoặc (3) gửi thư qua đường bưu điện. Trong trường hợp đã đăng ký trước, Cổ Đông và Người Được Ủy Quyền Dự Họp vẫn phải mang theo và xuất trình giấy tờ tùy thân, văn bản ủy quyền và các giấy tờ liên quan cần thiết cho Ban tổ chức đại hội để kiểm tra, đối chiếu và đăng ký tại nơi tổ chức đại hội.

- Trường hợp Cổ Đông không đăng ký tham dự họp trước ngày khai mạc, Cổ Đông vẫn có thể đăng ký tham dự trực tiếp tại Đại hội.
- Trước khi khai mạc cuộc họp, Ban tổ chức phải tiến hành thủ tục đăng ký Cổ Đông và phải thực hiện cho đến khi các Cổ Đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Ban tổ chức đại hội sẽ phân công cho một hoặc một số người để thực hiện kiểm tra tư cách Cổ Đông (“Ban kiểm tra tư cách cổ đông”). Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp đến tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông làm thủ tục đăng ký tại bàn đăng ký trước khi vào tham dự đại hội và ký tên xác nhận vào danh sách cổ đông tham dự đã được soạn sẵn.
- Ban kiểm tra tư cách cổ đông sẽ kiểm tra tư cách cổ đông khi Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp làm thủ tục đăng ký tham dự. Căn cứ vào danh sách cổ đông tham dự đại hội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông sẽ đối chiếu giấy tờ cá nhân của Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp, kiểm tra thư mời, văn bản ủy quyền (nếu có). Trong trường hợp Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp tham dự nhưng không đáp ứng yêu cầu về tư cách cổ đông thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối việc tham dự đại hội của Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp đó.
- Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký tham dự và có quyền biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
- Khi đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, dựa trên các tài liệu họp đã được gửi kèm theo thư mời hoặc đăng tải lên website của Công Ty, Cổ Đông chịu trách nhiệm kê khai chi tiết và trung thực về các lợi ích có liên quan của mình đối với các nội dung của chương trình họp Đại hội đồng cổ đông để Ban kiểm phiếu xem xét, loại bỏ Phiếu biểu quyết của Cổ Đông này (trong trường hợp Cổ Đông này vẫn tham gia biểu quyết) khi tiến hành kiểm phiếu. Trường hợp Cổ Đông không kê khai hoặc kê khai không chính xác, trung thực về các lợi ích liên quan của Cổ Đông đó với các nội dung của chương trình họp và gây thiệt hại cho các Cổ Đông khác và/hoặc Công Ty, thì Cổ Đông đó phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường toàn bộ các thiệt hại mà Công Ty và/hoặc các Cổ Đông khác phải gánh chịu (nếu có).

2.8. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:

Để tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thì số Cổ Đông và Người Được Ủy Quyền Dự Họp có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải đáp ứng một tỷ lệ tối thiểu theo quy định tại Điều 19 Điều lệ Công Ty, cụ thể:

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ Đông và những Người Được Ủy Quyền Dự Họp có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng cổ phần có quyền biểu quyết.
- Hết chín mươi (90) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội mà vẫn chưa đủ điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông như được nêu ở trên, người triệu tập họp phải hủy cuộc họp. Thông báo mời tham dự cuộc họp lần hai phải được gửi trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp lần thứ nhất. Cuộc họp lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ Đông và những Người Được Ủy Quyền Dự Họp đại diện cho ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự họp.
- Hết chín mươi (90) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội mà vẫn chưa đủ điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai như được nêu ở trên, người triệu tập họp phải hủy cuộc họp. Thông báo mời tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba phải được gửi trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp lần thứ hai. Trong trường hợp này cuộc họp được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ Đông hay Người Được Ủy Quyền Dự Họp tham dự.
 - Trong trường hợp triệu tập họp lần hai và lần ba như nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không cần lập lại danh sách cổ đông có quyền dự họp và có thể sử dụng danh sách mà VSD đã cung cấp trong lần triệu tập họp thứ nhất.
 - Chương trình và nội dung cuộc họp lần hai và/hoặc lần ba vẫn sẽ được giữ nguyên như chương trình và nội dung cuộc họp đã được chuẩn bị cho lần họp thứ nhất.

2.9. Cách thức bỏ phiếu

- Phiếu biểu quyết sẽ được gửi cho Cổ Đông kèm theo thư mời họp hoặc được đăng tải trên website của Công Ty hoặc được Ban tổ chức cấp cho từng Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp tại thời điểm tiến hành thủ tục đăng ký Cổ Đông, trên đó thể hiện các nội dung chủ yếu sau:
 - Số đăng ký/mã số của Cổ Đông
 - Họ và tên của Cổ Đông hoặc họ và tên Người Được Ủy Quyền Dự Họp (nếu có);
 - Số cổ phần mà Cổ Đông đó đang nắm giữ hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp được ủy quyền;

- Vấn đề cần biểu quyết; và
- Tình trạng biểu quyết (gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến).
- Nội dung của Phiếu biểu quyết tùy thuộc vào nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 - Trong trường hợp nội dung cuộc họp có thực hiện việc bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát thì Công ty sẽ cấp cho Cổ Đông phiếu bầu cử. Trong đó, phiếu bầu cử sẽ bao gồm các thông tin sau:
 - Số đăng ký/mã số của Cổ Đông;
 - Họ và tên của Cổ Đông hoặc họ và tên Người Được Ủy Quyền Dự Họp (nếu có);
 - Số cổ phần mà Cổ Đông đó đang nắm giữ hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp được ủy quyền;
 - Tên ứng viên;
 - Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, Cổ Đông và Người Được Ủy Quyền Dự Họp thực hiện biểu quyết trên Phiếu biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách đánh dấu vào các tình trạng tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến cho từng vấn đề. Đồng thời, các Cổ Đông và Người Được Ủy Quyền Dự Họp phải tuân theo sự hướng dẫn của Ban kiểm phiếu.
 - Phiếu biểu quyết hợp lệ phải thể hiện rõ ý kiến tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề cụ thể và được Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp ký tên hợp lệ.
 - Khi thực hiện biểu quyết xong, Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp bỏ các Phiếu biểu quyết hoặc bầu cử vào thùng phiếu được niêm phong để Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu.
 - Ngoài ra, Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp cũng có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua thư/fax/thư điện tử. Các Cổ Đông được bảo đảm rằng việc biểu quyết bằng hình thức gửi Phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư/fax/thư điện tử có giá trị tương đương với cách thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
 - Để đảm bảo tránh các trường hợp xung đột lợi ích, các Cổ Đông có lợi ích liên quan sẽ không tham gia biểu quyết đối với các vấn đề mà Cổ Đông đó hoặc Người Có Liên Quan của Cổ Đông được xác định là có quyền và lợi ích liên quan để đảm bảo tính minh bạch và công bằng của cuộc họp. Đối với các nội dung khác, Cổ Đông đó vẫn có quyền biểu biết bình thường.
 - Đối với các nội dung biểu quyết được Đại hội quyết định biểu quyết công khai:

Ban Tổ chức sẽ phát Thẻ biểu quyết riêng cho các nội dung này để các Cổ Đông/Người Được Ủy Quyền Dự Họp thực hiện biểu quyết công khai theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu.

2.10. Cách thức kiểm phiếu

Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ vào đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

- Ban kiểm phiếu có các quyền và nghĩa vụ như sau:
 - Tiến hành kiểm Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử;
 - Lập biên bản và công bố công khai Biên bản kiểm Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử trước Đại hội đồng cổ đông;
 - Bàn giao các Biên bản kiểm phiếu và toàn bộ Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử đã niêm phong cho Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của số liệu, kiểm tra, lập biên bản kiểm phiếu và công bố công khai kết quả kiểm phiếu;
- Trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm phiếu được xác định như sau:
 - Trưởng ban kiểm phiếu: chịu trách nhiệm về thủ tục, trình tự và pháp lý trong việc thực hiện biểu quyết và bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Thành viên phụ trách về số liệu, thống kê: chịu trách nhiệm về việc đảm bảo tính chính xác của số liệu, bao gồm nhưng không giới hạn ở công tác nhập liệu, tính toán, thống kê số liệu về liên quan đến việc tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và số liệu kiểm phiếu;
 - Thành viên giám sát kiểm phiếu: chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện của Ban kiểm phiếu.
- Ban kiểm phiếu sẽ tiến hành kiểm tra các phiếu biểu quyết và tổng hợp các nội dung sau:
 - Số Cổ Đông và tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết;
 - Số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ;
 - Tổng số phiếu “tán thành”, “không tán thành”, “không có ý kiến” đối với từng vấn đề, trong đó các phiếu biểu quyết trắng sẽ được cộng vào nhóm “không có ý kiến”.
- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sử dụng các phần mềm điện tử, tự động có áp dụng mã vạch, mã QR và/hoặc các công nghệ nhận dạng khác để thực hiện kiểm phiếu nhằm đảm bảo tính chính xác, rút ngắn thời gian của việc kiểm phiếu và phòng tránh sai sót, đồng thời Người triệu tập họp Đại hội

đồng cổ đông phải chịu trách nhiệm về việc sử dụng các thiết bị, công cụ, phần mềm này.

- Ban kiểm phiếu sẽ có nhân sự giám sát quá trình và kết quả kiểm phiếu. Tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu sẽ ký xác nhận kết quả.

2.11. Thông báo kết quả kiểm phiếu

- Sau khi tiến hành kiểm phiếu, ban kiểm phiếu sẽ lập biên bản kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
- Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung:
 - Thời gian và địa điểm diễn ra việc kiểm phiếu;
 - Thành phần Ban kiểm phiếu;
 - Tổng số Cổ Đông tham dự biểu quyết và tổng số cổ phần của các Cổ Đông tham dự tương ứng;
 - Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp, số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không ý kiến đối với từng vấn đề; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ Đông dự họp;
 - Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết tương ứng.
- Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ làm việc, kể từ thời điểm thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2.12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

- Các vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu đáp ứng được tỷ lệ thông qua theo quy định tại Điều lệ Công Ty.
- Ngoài ra, Đại hội sẽ thực hiện thông qua Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trước khi kết thúc đại hội. Việc thông qua Biên bản họp và toàn văn Nghị quyết sẽ được thông qua bằng hình thức biểu quyết công khai tại đại hội.

2.13. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- Trong trường hợp Cổ Đông phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thì việc phản đối này phải được thực hiện bằng văn bản, trong đó ghi rõ họ tên, mã số Cổ Đông, nội dung phản đối và lý do của việc phản đối;
- Văn bản này sẽ được chuyển đến Thư ký của Công ty để xem xét và ghi nhận;
- Cổ Đông biểu quyết phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ Đông quy định tại Điều lệ Công Ty có quyền yêu cầu Công Ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ Đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công Ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến

Công Ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về việc tổ chức lại Công Ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ Đông quy định tại Điều lệ công ty.

2.14. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Công Ty;
 - Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - Số Cổ Đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ Đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ Đông, đại diện Cổ Đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ Đông dự họp;
 - Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký;
 - Trong trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp thì biên bản này vẫn có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định nêu trên. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản.
- Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh. Trong trường hợp này thì Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải lên trên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm thông

qua.

- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, nghị quyết đã được thông qua, biên bản kiểm tra tư cách cổ đông, biên bản kiểm phiếu và các tài liệu có liên quan khác đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

2.15. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi nhận tại Nghị quyết đó.
- Biên bản họp, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu kèm theo trong biên bản họp, nghị quyết (nếu có) phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty và phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi được ban hành.

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

3.1. Các trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất kỳ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả các trường hợp cụ thể sau:

- Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- Định hướng phát triển công ty;
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Tổ chức lại, giải thể công ty.

3.2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

a) Thẩm quyền tổ chức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản.

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty.

- b) Thông báo về việc lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản
- Khi có nhu cầu lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị sẽ tiến hành họp để thống nhất các vấn đề cần lấy ý kiến cũng như phân công nhiệm vụ chuẩn bị và công tác tổ chức lấy ý kiến.
 - Tại cuộc họp, Hội đồng quản trị phải xác định được mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến, đồng thời chốt ngày đăng ký cuối cùng để làm cơ sở lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến. Các nội dung này được phải được thể hiện bằng Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị.
 - Hội đồng quản trị phải thực hiện việc công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện việc lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
 - Thông báo về việc lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản phải được công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Công Ty niêm yết, đăng ký giao dịch và trên website của Công Ty.
- c) Lập danh sách Cổ Đông gửi phiếu lấy ý kiến
- Danh sách Cổ Đông gửi phiếu lấy ý kiến được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công Ty.
 - Khi có nhu cầu lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản, căn cứ theo Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sẽ gửi hồ sơ thông báo đến Trung tâm Lưu ký Chứng Khoán Việt Nam để yêu cầu lập danh sách Cổ Đông của Công Ty dựa trên dữ liệu của VSD.
 - Danh mục các hồ sơ thông báo được theo quy định tại quy chế của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam được ban hành tùy từng thời điểm.
 - Danh sách Cổ Đông gửi phiếu lấy ý kiến được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi phiếu lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản.
 - Danh sách Cổ Đông gửi phiếu lấy ý kiến phải có các thông tin như quy định tại Mục 2.3 Điều 3 của Quy chế này.
- d) Phiếu lấy ý kiến và thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến
- Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả Cổ Đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.
 - Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Công Ty;
 - Mục đích lấy ý kiến;

- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ Đông là tổ chức và họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của Cổ đông là tổ chức;
 - Số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông;
 - Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
 - Phương án biểu quyết bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - Thời hạn phải gửi phiếu biểu quyết đã được trả lời về Công Ty, theo đó Cổ Đông phải gửi phiếu biểu quyết đã trả lời về Công Ty trước thời hạn được quy định trong phiếu biểu quyết và thời hạn gửi được tính từ ngày phiếu biểu quyết được gửi đi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- e) Cách thức gửi phiếu lấy ý kiến
- Hội đồng quản trị gửi phiếu lấy ý kiến cổ đông đến tất cả các Cổ Đông trong danh sách Cổ Đông gửi phiếu lấy ý kiến bằng phương thức đảm bảo đến địa chỉ đăng ký của từng Cổ Đông;
 - Các tài liệu giải trình cho dự thảo Nghị quyết và các nội dung cần lấy ý kiến có thể được gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến hoặc đăng tải trên website của Công Ty để các Cổ Đông xem xét trước khi thực hiện trả lời phiếu lấy ý kiến;
 - Cổ Đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công Ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử, trong đó, phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - Trường hợp gửi thư: phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ Đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được đựng trong phong bì dán kín, được tập hợp, lưu trữ riêng và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được tập hợp lại, lưu trữ riêng và giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ;
 - Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
- f) Kiểm phiếu và biên bản kiểm phiếu
- Hội đồng quản trị sẽ thành lập Ban kiểm phiếu và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội;
 - Việc kiểm phiếu được thực hiện theo từng vấn đề lấy ý kiến và tổng hợp theo

“tán thành”, “không tán thành” và “không có ý kiến”;

- Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Công Ty;
 - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - Số Cổ Đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Cổ Đông tham gia biểu quyết;
 - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

g) Thông báo kết quả kiểm phiếu và công bố Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

- Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ ban hành Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ Đông;
- Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến bằng văn bản và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty và phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi được ban hành;
- Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến.

Bên cạnh hình thức tổ chức họp trực tiếp, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có thể được tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến trong trường hợp xảy ra (i) các sự kiện bất khả kháng, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: thiên tai, chiến tranh, bệnh dịch, nổi dậy, bạo động, khủng bố, các quyết định hạn chế hoặc cấm đoán của Nhà nước và/hoặc (ii) các sự kiện khách quan khác mà Hội đồng quản trị xét thấy không thuận tiện và/hoặc không phù hợp để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức họp trực tiếp.

Việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ bao gồm các nội dung chính như dưới đây (tuy nhiên, trong trường hợp xét thấy cần thiết, Người triệu tập họp đại hội đồng cổ đông có thể ban hành thêm Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông để hướng dẫn chi tiết một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến).

4.1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cách thức thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện như cách thức thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp, cụ thể người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ gửi thông báo mời họp và các tài liệu của cuộc họp cho các Cổ Đông của Công Ty hoặc đăng tải các tài liệu này lên website của Công Ty. Tuy nhiên, trong trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có nghĩa vụ chuẩn bị thêm tài liệu hướng dẫn cho các Cổ Đông đăng ký và tham dự họp trực tuyến

4.2. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cổ Đông sẽ thực hiện đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo tài liệu hướng dẫn của Ban tổ chức đại hội đã được gửi cho Cổ Đông hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty. Theo đó, Cổ Đông sẽ truy cập vào đường dẫn do Ban tổ chức đại hội công bố và thực hiện kê khai, xác thực tư cách Cổ Đông để tham dự họp.

Cổ Đông chỉ được cho phép tham dự cuộc họp trực tuyến khi và chỉ khi đã kê khai và xác thực tư cách Cổ Đông. Ban tổ chức cũng đảm bảo rằng quyền truy cập của Cổ Đông là duy nhất và mỗi Cổ Đông chỉ có một tài khoản duy nhất để truy cập vào phòng họp trực tuyến tại một thời điểm nhất định.

Ban tổ chức cũng sẽ cung cấp cho các Cổ Đông thông tin của người hỗ trợ kỹ thuật cũng như đường dây nóng để hỗ trợ Cổ Đông truy cập và tham gia cuộc họp.

4.3. Điều kiện tiến hành

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được tiến hành khi có số Cổ Đông đăng ký tham dự họp và truy cập vào phòng họp trực tuyến đáp ứng tỷ lệ tối thiểu như được quy định tại Mục 2.8 Điều 3 của Quy chế này.

4.4. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến

Ban tổ chức sẽ chuẩn bị các thiết bị kỹ thuật hoặc phương tiện, cách thức để các Cổ Đông có thể thực hiện biểu quyết trực tuyến (e-voting), bỏ phiếu điện tử và/hoặc các cách thức điện tử khác và ghi nhận việc biểu quyết trực tuyến này của Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp đối với các nội dung của chương trình họp. Phương thức cụ thể sẽ tùy thuộc vào trang thiết bị điện tử mà Công Ty sử dụng để phục vụ cho việc biểu quyết và sẽ được công bố cho các Cổ Đông trước mỗi kỳ đại hội.

Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp cũng có thể thực hiện biểu quyết thông qua thư điện tử/fax hoặc gửi qua đường bưu điện về địa chỉ email hoặc số fax hoặc địa

chỉ nhận thư do Ban tổ chức cung cấp với điều kiện Ban tổ chức phải nhận được phiếu biểu quyết của Cổ Đông trước khi kết thúc kiểm phiếu.

4.5. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến

Ban Tổ Chức sẽ áp dụng các công nghệ hiện đại để thực hiện việc kiểm phiếu của các Cổ Đông. Việc kiểm phiếu sẽ được tính dựa trên số lượng phiếu mà Cổ Đông và/hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp thực hiện biểu quyết trực tuyến (e-voting), bỏ phiếu điện tử và/hoặc các cách thức điện tử khác, và số lượng Phiếu biểu quyết mà Cổ Đông và/hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp gửi qua bưu điện, thư điện tử và fax. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc kiểm phiếu này và chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các nghị quyết được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

4.6. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu sẽ được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sau khi hoàn thành xong việc kiểm phiếu và trước khi bế mạc cuộc họp.

4.7. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Việc lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện như cách thức và bao gồm các nội dung như việc lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp được quy định cụ thể tại Mục 2.14 Khoản 2 Điều 3 của Quy chế này.

4.8. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty và phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi được ban hành.

5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

Bên cạnh việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp và/hoặc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo cách thức như nêu tại Khoản 2 và Khoản 4 Điều 3 của Quy chế này, tùy theo tình hình thực tế mà Hội đồng quản trị có thể tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

Việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến sẽ bao gồm các nội dung chính như dưới đây, tuy nhiên, trong trường hợp xét thấy cần thiết, Người triệu tập họp đại hội đồng cổ đông có thể ban hành thêm Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông để hướng dẫn chi tiết một số vấn đề liên quan đến việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến).

5.1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

Cổ Đông có thể tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp tại địa điểm diễn ra đại hội hoặc tham dự họp thông qua hội nghị trực tuyến bằng các phương tiện công nghệ

hiện đại. Theo đó, tại địa điểm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp, Ban tổ chức sẽ bố trí thêm các màn hình chiếu, máy vi tính, các thiết bị thu và phát sóng âm thanh, hình ảnh có kết nối internet để có thể truyền hình trực tiếp diễn biến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông cho các Cổ Đông khác tham dự trực tuyến, đảm bảo đường truyền kết nối ổn định, hình ảnh hiển thị, âm thanh chuẩn và đồng nhất giữa việc họp trực tiếp và trực tuyến, đảm bảo quyền lợi giữa các Cổ Đông.

Việc đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo phương thức kết hợp này được thực hiện như sau:

- Đối với các Cổ Đông tham dự họp trực tiếp: thực hiện đăng ký tại bàn kiểm tra tư cách cổ đông được bố trí tại địa điểm diễn ra đại hội như cách thức đăng ký họp trực tiếp được quy định tại Mục 2.8 Khoản 2 Điều 3 Quy chế này.
- Đối với các Cổ Đông tham dự họp trực tuyến: thực hiện đăng ký như hướng dẫn tại mục 4.2 Khoản 4 Điều 3 Quy chế này.

5.2. Điều kiện tiến hành

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo phương thức kết hợp này được tiến hành khi có tổng số Cổ Đông/Người Được Ủy Quyền Dự Họp tham dự trực tiếp và trực tuyến đáp ứng tỷ lệ tối thiểu như được quy định tại Mục 2.8 Khoản 2 Điều 3 của Quy chế này.

5.3. Cách thức bỏ phiếu

Cổ Đông có thể thực hiện việc bỏ phiếu bằng hình thức (i) bỏ phiếu trực tiếp tại Đại hội, (ii) gửi phiếu biểu quyết về cho người triệu tập cuộc họp bằng đường bưu điện/email/fax, (iii) biểu quyết trực tuyến (e-voting), bỏ phiếu điện tử hay cách thức điện tử khác.

5.4. Cách thức kiểm phiếu

Công ty sẽ áp dụng các công nghệ hiện đại để thực hiện việc kiểm phiếu của các Cổ Đông. Việc kiểm phiếu sẽ được tính dựa trên (i) số lượng phiếu mà Cổ Đông và/hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp thực hiện biểu quyết trực tuyến (e-voting), bỏ phiếu điện tử và/hoặc các cách thức điện tử khác và (ii) số phiếu mà Cổ Đông và/hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp (được bỏ vào thùng phiếu); và (iii) số lượng Phiếu biểu quyết mà Cổ Đông và/hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp gửi qua bưu điện, thư điện tử và fax.

Ban kiểm phiếu sẽ thực hiện tổng hợp tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của cả ba cách thức trên theo từng nội dung chương trình họp và chia cho tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty để xác định tỷ lệ tán thành, không tán thành và không có ý kiến cho từng vấn đề từ đó xác định vấn đề cần biểu quyết có đủ tỷ lệ để thông qua hay không.

5.5. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu sẽ được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi hoàn thành xong việc kiểm phiếu và trước khi bế mạc cuộc họp.

5.6. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Ban thư ký sẽ thực hiện lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngay tại cuộc họp và trình cho Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bế mạc. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung như quy định tại mục 2.14 Khoản 2 Điều 3 Quy chế này.

5.7. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty và phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi được ban hành.

6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử qua hệ thống bỏ phiếu điện tử của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên/Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc đợt Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản của Công ty có thể thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu điện tử qua hệ thống bỏ phiếu điện tử (V-Vote) của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD).

Việc thực hiện bỏ phiếu điện tử (V-Vote) được quy định cụ thể tại Phụ Lục 1 đính kèm Quy chế này. Các quy định khác liên quan đến trình tự, thủ tục họp khác không được Quy định Phụ lục 1 sẽ được áp dụng theo các quy định tại Quy chế này phù hợp với hình thức cuộc họp hoặc đợt Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

ĐIỀU 4. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.

- Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 28 Điều lệ Công Ty.
- Ngoài ra, các thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty và của các đơn vị trong Công Ty, với điều kiện là việc cung cấp thông tin đó phải phục vụ cho mục đích thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và việc cung cấp thông tin đó phải được thông báo bằng văn bản cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Chủ tịch Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị mà thành viên Hội đồng quản trị có yêu cầu là thành viên. Yêu cầu phải được lập bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do yêu cầu, mục đích sử dụng thông tin, kèm theo cam kết sử dụng đúng mục đích và bảo mật các thông tin, tài liệu

được cung cấp và văn bản yêu cầu phải được gửi cho Tổng Giám đốc trước ít nhất 24 giờ. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị sử dụng sai mục đích hoặc tiết lộ/làm lộ thông tin, thành viên đó sẽ phải chịu toàn bộ cá nhân về các thiệt hại mà Công Ty phải gánh chịu.

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

2.1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 03 (ba) đến 11 (mười một) người. Số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.
- Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2.2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị;

a) Cơ cấu của Hội đồng quản trị

- Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
- Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - Các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp;
 - Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá năm (05) công ty khác.
 - Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

b) Điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

Ngoài các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật, tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, thành viên Hội đồng quản trị độc lập còn thỏa mãn các tiêu chuẩn sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị cần có các phẩm chất và năng lực sau đây:

- Có tư chất lãnh đạo, liêm chính, có trách nhiệm, chín chắn, có đạo đức, và nhận được sự tin tưởng của các cổ đông, các thành viên khác trong Hội đồng quản trị, các cán bộ quản lý, và nhân viên của Công ty;
 - Có khả năng cân bằng lợi ích của tất cả các bên có quyền lợi liên quan và đưa ra những quyết định hợp lý;
 - Có kinh nghiệm chuyên môn và trình độ học vấn cần thiết để hoạt động một cách có hiệu quả; có kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công Ty;
 - Có kinh nghiệm kinh doanh, am hiểu các vấn đề địa phương, hiểu biết về thị trường, sản phẩm, và đối thủ cạnh tranh;
 - Có khả năng biến kiến thức và kinh nghiệm thành các giải pháp thực tiễn;
 - Liêm chính và có tiêu chuẩn đạo đức cao;
 - Phán quyết chuẩn xác;
 - Khả năng và ý chí đương đầu với thách thức và tìm tòi cái mới;
 - Kỹ năng giao tiếp tốt.
- Tính độc lập của thành viên Hội đồng quản trị độc lập chỉ được đáp ứng khi thành viên Hội đồng quản trị đó đáp được các yêu cầu bắt buộc sau đây:
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho công ty trong hai (02) năm gần nhất;
 - Không phải là đối tác hoặc người liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với công ty chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào của Công ty trong hai (02) năm gần nhất.
 - Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
 - Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 2 nhiệm kỳ.

- Ngoài các việc đáp ứng các yêu cầu nêu trên, tính độc lập của thành viên Hội đồng quản trị độc lập còn được xem xét khi đáp ứng được các yêu cầu sau một cách tốt nhất:
 - Không phải là thành viên gia đình trực hệ của một cá nhân đang là, hoặc trong năm (05) năm gần nhất đã là, một Người Quản Lý của Công ty hoặc của Người có liên quan;
 - Không phải là cán bộ điều hành của một công ty khác mà một Người Quản Lý của Công ty là thành viên Hội đồng quản trị của công ty đó.
 - Không có mối liên hệ liên kết với một tổ chức phi lợi nhuận nhận những khoản tiền đóng góp lớn từ Công ty hoặc từ Người có liên quan.
- Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện được nêu trên và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

2.3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

Khi Công Ty thực hiện bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, các ứng viên có thể gửi hồ sơ đến Công Ty chậm nhất là một (01) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông để ứng cử.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty như sau:

- Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định nêu trên gửi hồ sơ đề cử, ứng cử của mình đến Trụ sở chính của Công Ty chậm nhất là một (01) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông để Công ty xem xét.
- Hồ sơ bao gồm:
 - Văn bản ứng cử/đề cử;
 - Lý lịch của người được đề cử/ứng cử, bao gồm: Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; Trình độ chuyên môn; Quá trình công tác; Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty; Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - Ngoài ra, đối với nhóm Cổ Đông cần cung cấp thêm: (i) danh sách đầy đủ của nhóm Cổ Đông đề cử; (ii) tổng số cổ phần mà nhóm Cổ Đông hiện đang nắm giữ; (iii) văn bản thỏa thuận của nhóm Cổ Đông về việc đề cử thành viên Hội đồng quản trị.

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố là lý lịch của ứng viên bao gồm đầy đủ các nội dung như lý lịch hồ sơ ứng cử kể trên. Ngoài ra, công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).;

2.4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ.

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ.

2.5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

- Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
- Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị sẽ được bầu dựa trên danh sách ứng viên do (i) Cổ Đông, nhóm Cổ Đông đề cử và (ii) Hội đồng quản trị giới thiệu và theo sự tìm kiếm, đánh giá của Hội đồng quản trị.

2.6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Tất cả các trường hợp thay đổi thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, thì Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc (Người đại diện theo pháp luật của Công Ty) phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

2.7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

- Cổ Đông, nhóm Cổ Đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Điều Lệ Công Ty có thể giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị của Công Ty.
- Hội đồng quản trị sẽ nỗ lực trong việc công bố thông tin về ứng viên trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định của pháp luật, tùy tính sẵn sàng của thông tin ứng viên để Cổ Đông có thể tìm hiểu về ứng viên trước khi bỏ phiếu.
- Danh sách ứng viên thành viên Hội đồng quản trị phải đảm bảo đáp ứng đủ số lượng và đáp ứng đúng các tiêu chí, tiêu chuẩn của thành viên cần bầu bổ sung, thay thế.
- Thông tin liên quan đến ứng viên thành viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:
 - Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - Trình độ chuyên môn;
 - Quá trình công tác;
 - Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế này và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

2.8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong số các thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm thì Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười

(10) ngày kể từ ngày Công Ty nhận được văn bản xin từ chức hoặc kể từ ngày Hội đồng quản trị thông qua quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Việc bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được thực hiện theo Quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

- Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
- Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
- Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

4.1. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo quý/năm

Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường để thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc có thể thông qua quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

4.2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp các cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường trong trường hợp sau:

- Khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- Có đề nghị của Ban kiểm soát, thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị.

4.3. Thông báo họp Hội đồng quản trị

- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
- Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi qua đường bưu điện, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
- Thông báo mời họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày làm việc trước khi tổ chức họp.
- Trong trường hợp họp Hội đồng quản trị thường kỳ hằng quý, việc mời họp Hội đồng quản trị sẽ do Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty thực hiện. Trường hợp họp Hội đồng quản trị bất thường, việc mời họp sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị thực hiện.
- Thông báo mời họp có thể gửi bằng giấy mời, bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác tùy thuộc vào từng thời điểm, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công Ty.
- Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định, đồng thời có thể kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
- Địa điểm họp Hội đồng quản trị có thể là tại trụ sở chính của Công Ty hoặc địa chỉ khác tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo đề xuất của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
- Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát:
Thành viên Ban kiểm soát có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

4.4. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

- Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp.
- Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
- Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong các trường hợp sau đây:
 - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết;
 - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác nếu được sự đồng ý của đa số các thành viên Hội đồng quản trị.

4.5. Cách thức biểu quyết

- Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, email, điện thoại hoặc các hình thức phù hợp khác.
- Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền (nếu có) tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.
- Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đã trả lời đến cuộc họp thông qua bưu điện, fax, thư điện tử. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua bưu điện phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử thì phải gửi trước khi kết thúc kiểm phiếu.
- Trong trường hợp cuộc họp hội đồng quản trị được tổ chức trực tiếp, trực tuyến hay các phương tiện điện tử khác, các thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng ý bằng cách phát biểu “đồng ý”, “không đồng ý” hoặc “không có ý kiến” hoặc biểu quyết bằng cách giơ tay đối với mỗi vấn đề sau khi được Chủ tọa nêu vấn đề và kết thúc phần thảo luận.
- Thành viên Hội đồng quản trị không được quyền biểu quyết đối với các hợp đồng hoặc giao dịch mà thành viên hoặc Người Có Liên Quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty.
- Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch với Công Ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng hoặc giao

dịch đó.

- Theo quy định nêu trên, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.

4.6. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị thông qua các quyết định trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành (>50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng sẽ thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản và các hình thức khác được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như được thông qua tại cuộc họp.

4.7. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

- Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được tất cả các thành viên Hội đồng quản trị chấp nhận.
- Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản và thông báo trước cho Hội đồng quản trị để phê duyệt trước khi khai mạc cuộc họp.
- Người Được Ủy Quyền Dự Họp phải xuất trình giấy ủy quyền và giấy tờ pháp lý khác của cá nhân khi tham gia họp Hội đồng quản trị.

4.8. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

- Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được Ban Thư ký ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác.
- Biên bản họp phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Thời gian, địa điểm họp;
 - Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của

cuộc họp;

- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Trường hợp chủ tọa hoặc người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ các nội dung nêu trên thì biên bản này vẫn có hiệu lực thi hành.

- Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản (nếu có) phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
- Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng Tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng anh. Trong trường hợp này, Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
- Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty ít nhất là 10 năm.

4.9. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị

- Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty hoặc Ban Thư Ký có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị đã ký đến các thành viên thông qua thư hoặc thư điện tử/fax đến địa chỉ mà thành viên đó đã đăng ký và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp.
- Nghị quyết Hội đồng quản trị về một số nội dung theo quy định của pháp luật bắt buộc phải thực hiện công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật và/hoặc Người được ủy quyền Công bố thông tin có trách nhiệm công bố thông tin theo quy định.

5. Ban kiểm soát

5.1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có vai trò, quyền và nghĩa như sau:

- a. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.
- b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

- c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
- e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp 2020.
- f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp 2020, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- g. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- h. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật doanh nghiệp 2020 phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- i. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.
- j. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
- k. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- l. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

5.2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

- a. *Nhiệm kỳ, số lượng thành viên Ban kiểm soát*

- Ban kiểm soát có 03 thành viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
 - Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.
 - Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
- b. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát*
- Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp 2020;
 - Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
 - Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người quản lý khác;
 - Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
 - Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.
 - Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện nêu trên, Kiểm soát viên còn không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và Công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty mẹ và tại Công ty.
- c. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát*
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát.
- d. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát;*

Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ.

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ..

e. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

- Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
 - Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp 2020;
 - Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
- Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
 - Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật doanh nghiệp 2020 và Điều lệ công ty;
 - Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

f. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Trước và sau khi bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát, Công ty phải thực hiện Công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.

g. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

- Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
- Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

- Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

7. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty

7.1. Tiêu chuẩn của Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty

a) Các tiêu chuẩn đối với Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty

- Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty phải là người có hiểu biết về pháp luật. Nắm vững các quy định pháp luật liên quan đến Công Ty và thị trường chứng khoán, ưu tiên người tốt nghiệp đại học luật (hệ chính quy tập trung) tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước;
- Có trình độ học vấn đại học trở lên;
- Am hiểu hoạt động của Công Ty;
- Trách nhiệm cao, giao tiếp tốt, cụ thể là kỹ năng thương thuyết và tạo nên sự đồng thuận;
- Kỹ năng tổ chức, phân tích, cụ thể là phát hiện những tín hiệu từ xa và cảnh báo sớm cho Bộ máy quản lý; có trực giác tốt và nhạy cảm đối với những suy nghĩ và hành vi của Tổng Giám đốc và các thành viên Hội đồng quản trị;
- Có tính tỉ mỉ, để ý đến chi tiết, linh hoạt và sáng tạo;
- Được đào tạo về quản trị;
- Là một người có uy tín cá nhân và trong sạch.

b) Các yêu cầu, điều kiện đối với Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty

- Tính độc lập: Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán hiện đang kiểm toán Công Ty.
- Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty không được là một thành viên gia đình trực hệ của một thành viên thuộc Người Quản Lý doanh nghiệp.
- Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

7.2. Việc bổ nhiệm Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty

- Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
- Hội đồng quản trị sẽ ban hành quyết định bổ nhiệm Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty. Nhiệm kỳ của Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty (Thư ký Công ty)

là 05 năm hoặc một thời hạn khác theo quyết định của Hội đồng quản trị tại từng thời điểm.

- Các thông tin về ứng viên cho việc bổ nhiệm Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty: các thông tin về ứng viên có thể bao gồm nhưng không giới hạn: tóm tắt quá trình học tập, quá trình công tác, các mối quan hệ với các thành viên trong Công Ty, số lượng cổ phiếu của Công Ty đang nắm giữ, xác nhận không có tiền án tiền sự... và được bổ sung bằng thư giới thiệu cá nhân và những cuộc phỏng vấn với các thành viên Hội đồng quản trị, đặc biệt là với Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Hợp đồng với Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty: Ngoài ra, Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm xác định các điều kiện của hợp đồng lao động, các vấn đề liên quan tới thù lao và thủ tục kết thúc hợp đồng. Chủ tịch Hội đồng quản trị, có sự tham vấn của Ban Nhân sự/Phòng Nhân sự, sẽ thay mặt Công ty soạn thảo hợp đồng để ký kết với Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty.

7.3. Các trường hợp miễn nhiệm Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái các quy định của pháp luật hiện hành về lao động.

7.4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty

Hội đồng quản trị sẽ thông báo việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty với Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.

7.5. Quyền và nghĩa vụ của Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty

Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Tư vấn cho Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- Tham dự các cuộc họp;
- Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

ĐIỀU 5. TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người điều hành chung công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty, có những thẩm quyền sau:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
- Tuyển dụng lao động;
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc;

2.1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

a) Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

b) Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc phải đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể:

- Không thuộc các đối tượng không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh Nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của Công Ty.
- Ngoài những điều kiện và tiêu chuẩn nêu trên, Tổng Giám đốc còn phải đáp ứng

các tiêu chuẩn và điều kiện dưới đây:

- Có kinh nghiệm thực tế về quản trị kinh doanh trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty (ưu tiên các cá nhân sở hữu nhiều cổ phần của Công ty);
- Có trình độ đại học trở lên;
- Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp;
- Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2.2. Đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

a) Đề cử Tổng Giám đốc

Ban Nhân sự/Phòng Nhân sự hoặc Hội đồng quản trị đề cử bằng văn bản việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc trong đó đề cập rõ ý kiến đánh giá của mình về việc người được đề cử.

b) Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

- Hội đồng quản trị có thể họp để biểu quyết thông qua việc bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.
- Tổng Giám đốc có thể được Hội đồng quản trị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công Ty;
 - Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
 - Hết hợp đồng lao động; và
 - Nghỉ hưu và không có nhu cầu gia hạn/tái ký hợp đồng.
- Tổng Giám đốc có thể bị Hội đồng quản trị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm Điều lệ, nội quy, quy chế của Công Ty;
 - Vi phạm pháp luật đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.
- Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

2.3. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc

a) Bổ nhiệm

- Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.
- Việc bổ nhiệm sẽ được thể hiện bằng văn bản Nghị quyết/Quyết định của Hội

đồng quản trị.

- Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
- b) Ký hợp đồng lao động Tổng Giám đốc
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ thay mặt Hội đồng quản trị ký kết hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc.
 - Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và được thể hiện trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc.

2.4. Chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc

Công ty tiến hành chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc sau khi Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết/Quyết định miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm Tổng Giám đốc. Việc chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc phải bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế này và các quy định khác của Công Ty.

2.5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

2.6. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

- Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
- Tiền lương của Tổng Giám đốc và người điều hành khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

ĐIỀU 6. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

- a) Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Thủ tục và trình tự mời họp đã được đề cập trong phần triệu tập họp Hội đồng quản trị. Nội dung họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc được tích hợp trong chương trình họp Hội đồng quản trị.

- b) Thông báo Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc

Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phải được Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty thông báo cho Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc để Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc theo dõi và tổ chức thực hiện.

c) Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

- Xung đột quyền, nghĩa vụ giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc;
- Khủng hoảng mà việc xử lý vượt quá thẩm quyền của Tổng Giám đốc;
- Các giao dịch mà Tổng Giám đốc là một bên liên quan;
- Các phát sinh trọng yếu trong quá trình thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Các nội dung vượt thẩm quyền theo ủy quyền của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc.

d) Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

- Các nội dung Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao luôn được tích hợp thành 1 mục trong chương trình họp Hội đồng quản trị.
- Các nội dung báo cáo bao gồm các nội dung:
 - Thành tích chung của Công ty, đặc biệt trong sự so sánh với đối thủ cạnh tranh;
 - Việc triển khai chiến lược kinh doanh của Công ty;
 - Các chỉ tiêu tiếp thị và kinh doanh của Công ty;
 - Các kết quả tài chính của Công ty;
 - Sự tuân thủ của Bộ máy quản lý đối với luật pháp và các thủ tục nội bộ liên quan tới Quản trị công ty, quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ, cũng như các vấn đề về đạo đức kinh doanh; và
 - Thành tích của Bộ máy quản lý, ở cấp độ nhóm lẫn cấp độ cá nhân.

e) Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng Quản trị cho Tổng Giám đốc

Các nội dung giám sát việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc luôn được tích hợp thành 1 mục trong chương trình họp Hội đồng quản trị.

f) Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Tổng Giám đốc sẽ cung cấp thông tin bằng cách thức phù hợp khi:

- Thành viên Hội đồng quản trị yêu cầu cung cấp các thông tin, tài liệu về tình

hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty theo đúng quy định của pháp luật.

- Trưởng Ban kiểm soát yêu cầu bằng văn bản, thư điện tử đối với các nội dung mà Ban kiểm soát đã thông qua rằng Tổng Giám đốc phải cung cấp. Trong trường hợp này, Tổng Giám đốc sẽ phải báo cáo bằng văn bản.
- g) Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.
- Thành viên Hội đồng quản trị phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát Tổng Giám đốc theo quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
 - Thành viên Hội đồng quản trị có thể trao đổi ngay tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, cuộc họp Ban Tổng Giám đốc.
 - Thành viên Hội đồng quản trị có thể phối hợp với các Phó Tổng Giám đốc sau khi tham khảo với Tổng Giám đốc về chủ đề, thời gian và các nội dung khác.
 - Các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải phê duyệt theo đề xuất của Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị phải phản hồi trong vòng 7 ngày hoặc một thời hạn khác do các bên thỏa thuận.
 - Trong trường hợp cấp thiết, vì những mục đích liên quan tới nhiệm vụ của mình, các thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Người Quản lý khác trong Công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty nhưng phải được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Yêu cầu phải được lập bằng văn bản và gửi cho Tổng Giám đốc trước ít nhất 24 giờ.
 - Hội đồng quản trị có trách nhiệm phản hồi các nội dung: kiến nghị về Điều lệ; Quy chế quản trị công ty; cơ cấu tổ chức và số lượng Người quản lý trong thời hạn 15 ngày.
 - Các nội dung phê chuẩn giao dịch với Người có liên quan hoặc Giao dịch trọng yếu, Hội đồng quản trị phải phản hồi bằng văn bản trong thời hạn 7 ngày.
 - Trong trường hợp cuộc họp của Hội đồng quản trị có mời thành viên Bộ máy quản lý hoặc bất kỳ cấp quản lý nào thì Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi thông báo mời họp, nội dung chuẩn bị (nếu có) trước ít nhất 7 ngày (thông qua Thư ký).
 - Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của Ban kiểm soát phải được gửi đến Công ty trước ít nhất 48 giờ.
 - Đối với việc sử dụng tư vấn độc lập bên ngoài, Ban kiểm soát phải thông tin về phạm vi, giá trị và các nội dung trọng yếu khác trong vòng 48 giờ kể từ thời điểm xác lập dịch vụ đó.

2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.

2.1. Đánh giá hoạt động

- a) Hội đồng Quản trị/Ban kiểm soát
- Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát thực hiện đánh giá Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát kết hợp với đánh giá hoạt động và đánh giá từng thành viên. Việc đánh giá được thực hiện 1 lần/năm.
 - Đánh giá hoạt động Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát: Tiêu chí đánh giá: Hành vi và hiệu quả hoạt động, và thể hiện qua các khía cạnh:
 - Kết quả doanh thu, lợi nhuận và các chỉ số phi tài chính khác;
 - Tỷ lệ thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành, điều hành trong cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị (đối với Hội đồng quản trị).
 - Số cuộc họp của Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát và các nội dung được đề ra trong từng cuộc họp;
 - Số lượng các trường hợp về xung đột lợi ích có xảy ra;
 - Việc tuân thủ quy định về bảo mật thông tin;
 - Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát tham gia các chương trình đào tạo về quản lý;
 - Xây dựng chính sách thù lao cho Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát;
 - Các chính sách mới được phát triển và ban hành.
 - Việc đánh giá được thực hiện thông qua việc tổ chức một cuộc họp đặc biệt của Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát để đánh giá công tác của Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát hoặc dành thời gian trong một cuộc họp thường kỳ để thực hiện việc đánh giá. Hồ sơ đánh giá sẽ được lưu trữ tại Công ty theo chế độ lưu trữ thông tin bảo mật.
 - Việc đánh giá hoạt động thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát được thực hiện thông qua:
 - Tự đánh giá bởi bản thân thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát; và
 - Đánh giá kín lẫn nhau giữa các thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát với sự phối hợp của một bên thứ ba. Bên thứ ba có thể là cố vấn pháp lý hoặc một nhà tư vấn chuyên nghiệp được quyết định tại từng thời điểm.
 - Căn cứ vào kết quả đánh giá định kỳ về Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát và các thành viên của Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát được quy định tại Điều này, các chương trình tập huấn, đào tạo sẽ được tổ chức hoặc cung cấp để phát triển kiến thức và kỹ năng của thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát. Các chương trình đào tạo này sẽ cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm

soát các nội dung:

- Những kỹ năng mới và nâng cao tính chuyên nghiệp, đồng thời nhận thức rõ hơn các vấn đề liên quan;
- Tiếp cận kiến thức cập nhật về Quản trị công ty và các vấn đề khác, có cơ hội thảo luận các vấn đề cùng đồng nghiệp và người hướng dẫn;
- Nâng cao nhận thức về các vấn đề đạo đức và giá trị nền tảng của việc quản trị công ty hiệu quả;
- Các khóa học có liên quan giúp thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát hoàn thành các nhiệm vụ và trách nhiệm của mình.

b) **Tổng Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc**

Hội đồng quản trị thực hiện việc đánh giá Tổng Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc dựa trên các tiêu chí sau:

- Thực hiện mục tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Bồn phận chung của Cán bộ quản lý cấp cao và năng lực;
- Năng lực và kỹ năng của Cán bộ quản lý cấp cao;

Ngoài ra, Hội đồng quản trị còn có thể ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện đánh giá các Phó Tổng Giám đốc.

2.2. Khen thưởng

- Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động của Quy Chế này.
- Hình thức khen thưởng:
 - Bằng tiền;
 - Bằng hình thức phi vật chất khác.
- Đối với đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát: Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát quyết định trong phạm vi thù lao, thưởng và các lợi ích khác đã được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.
- Đối với đối tượng là điều hành, nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác, hoặc sẽ được tính vào chi phí trước thuế theo các quy định pháp luật có liên quan. Mức khen thưởng: căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm.

2.3. Kỷ luật

- Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.

- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng và tròn bổ phận sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.
- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của hệ thống kỷ luật và quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 7. HIỆU LỰC THI HÀNH

Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Thaiholdings bao gồm 07 điều và 01 Phụ lục, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Thuyết

PHỤ LỤC I

QUY CHẾ THỰC HIỆN BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ

QUA HỆ THỐNG BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ

CỦA TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

(Ban hành kèm Quy chế quản trị nội bộ Công ty đã được Đại hội cổ đông thông qua ngày/...../2023)

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về việc bỏ phiếu điện tử của các cổ đông tại các đợt thực hiện biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên/Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc đợt Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản (sau đây gọi là đợt biểu quyết) của Công ty Cổ phần Thaiholdings (sau đây gọi là Công ty)

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- **Bỏ phiếu điện tử** là việc cổ đông thực hiện biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu điện tử thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử (sau đây gọi tắt là hệ thống V-Vote) của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (sau đây viết tắt là VSD) là đơn vị được Công ty ký kết cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử.
- **Bỏ phiếu truyền thống** là việc cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông tham gia biểu quyết trực tiếp tại đại hội.

CHƯƠNG II: QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Điều kiện, cách thức cổ đông tham gia bỏ phiếu điện tử

1. Điều kiện tham gia

- Có tên trong danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do VSD lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty;
- Đã thực hiện kích hoạt tài khoản truy cập theo thông báo của VSD.

2. Cách thức thực hiện

- Cổ đông là cá nhân và tổ chức trong nước thực hiện bỏ phiếu điện tử trực tiếp trên hệ thống V-Vote.
- Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài thực hiện bỏ phiếu điện tử trên hệ thống V-Vote thông qua ủy quyền cho Tổ chức đại diện.

Điều 4. Cung cấp tài khoản truy cập và thực hiện bỏ phiếu điện tử

Việc cung cấp tài khoản truy cập và thực hiện bỏ phiếu điện tử của cổ đông được thực hiện theo hướng dẫn tại Quy định về việc tổ chức cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử tại VSD do VSD ban hành.

Điều 5. Ủy quyền thực hiện bỏ phiếu điện tử

1. Việc ủy quyền thực hiện bỏ phiếu điện tử chỉ áp dụng đối với trường hợp cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ủy quyền cho tổ chức đại diện thực hiện bỏ phiếu điện tử.
2. Trình tự, thủ tục ủy quyền thực hiện theo hướng dẫn tại Quy định về việc tổ chức cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử tại VSD do VSD ban hành

Điều 6. Kết quả bỏ phiếu điện tử

1. Kết quả bỏ phiếu điện tử trong thời gian thực hiện bỏ phiếu điện tử được thống kê và tính toán bởi VSD.
2. Kết quả bỏ phiếu điện tử do VSD cung cấp được giữ nguyên niêm phong của VSD và được Ban Chủ tọa Đại hội đưa ra cho toàn thể Đại hội chứng kiến tại thời điểm khai mạc Đại hội.
3. Ban kiểm phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội hoặc Ban kiểm phiếu được Hội đồng quản trị đề cử tại đợt Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản là người có thẩm quyền mở kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả bỏ phiếu.
4. Các cổ đông đã thực hiện việc bỏ phiếu điện tử hợp lệ nhưng vẫn đến tham dự ĐHĐCĐ và thực hiện bỏ phiếu truyền thống thì kết quả bỏ phiếu điện tử của cổ đông sẽ bị loại bỏ.
5. Kết quả bỏ phiếu điện tử tại thời điểm tổng hợp kết quả bỏ phiếu được Công ty tính toán dựa trên kết quả bỏ phiếu điện tử do VSD cung cấp trừ đi các trường hợp đã bỏ phiếu điện tử nhưng lại thực hiện bỏ phiếu truyền thống.
6. Trường hợp tại phiên họp ĐHĐCĐ, các cổ đông tham gia họp trực tiếp đồng ý sửa đổi, bổ sung nội dung biểu quyết khác với các nội dung biểu quyết mà Công ty đã thông báo trước đây thì số phiếu của các cổ đông đã tham gia bỏ phiếu điện tử cho các vấn đề bị thay đổi sẽ được coi là phiếu trắng.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông khi tham gia bỏ phiếu điện tử

1. Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty theo hình thức bỏ phiếu điện tử.
2. Vẫn có thể trực tiếp dự họp và tham gia biểu quyết tại Đại hội hoặc ủy quyền cho người khác tham dự họp và tham gia biểu quyết tại Đại hội ngay cả khi đã thực hiện bỏ phiếu điện tử. Trong trường hợp này kết quả bỏ phiếu điện tử của cổ đông sẽ bị hủy bỏ.

3. Phải đăng ký thông tin số điện thoại, địa chỉ liên lạc và/hoặc địa chỉ thư điện tử chính xác để đảm bảo nhận được thư thông báo tài khoản bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.
4. Được sử dụng tài khoản truy cập do VSD cấp để đăng nhập vào hệ thống V-Vote và thực hiện bỏ phiếu điện tử cho tất cả các đợt biểu quyết của Công ty mà cổ đông được quyền bỏ phiếu.
5. Trường hợp cổ đông nước ngoài ủy quyền bỏ phiếu điện tử cho tổ chức đại diện, Cổ đông và tổ chức đại diện chịu trách nhiệm đối với việc ủy quyền và kết quả bỏ phiếu điện tử theo tài khoản truy cập đã được cấp. Trường hợp cổ đông là pháp nhân, người đại diện theo pháp luật của cổ đông là người chịu trách nhiệm đối với các quy định nêu tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.
6. Cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật các tên truy cập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác do VSD cấp để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống V-Vote của VSD. Mọi kết quả giao dịch bỏ phiếu của cổ đông do VSD cung cấp chính thức sẽ được mặc nhiên coi là ý chí của cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về mọi tranh chấp (nếu có) giữa cổ đông và VSD liên quan đến việc xác thực lại việc bỏ phiếu điện tử qua tài khoản truy cập của cổ đông. Cổ đông chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật, trước Công ty về kết quả giao dịch bỏ phiếu điện tử đã được thực hiện qua tài khoản truy cập của Cổ đông trên hệ thống V-Vote của VSD.

CHƯƠNG III: ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 8. Điều khoản khác

Các nội dung khác liên quan đến điều kiện tiến hành đợt biểu quyết, cách thức tiến hành biểu quyết, thông qua Quyết định của đợt biểu quyết và trường hợp tổ chức đợt biểu quyết không thành được thực hiện theo quy định tại Quy chế quản trị nội bộ và Điều lệ Công ty.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 3 chương, 9 điều và có hiệu lực từ ngày ban hành.
2. Cổ đông, tổ chức đại diện và các cá nhân, tổ chức tham gia bỏ phiếu điện tử đối với các đợt bỏ phiếu của Công ty có trách nhiệm thực hiện theo Quy chế này.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Thuyết

TỜ TRÌNH

V/v: Thay thế toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thaiholdings

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 ("**Luật Doanh nghiệp**");
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 ("**Luật Chứng khoán**");
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ("**Nghị định số 155/2020/NĐ-CP**");
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về Quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ("**Thông tư số 116/2020/TT-BTC**");
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thaiholdings;
- Căn cứ Quy chế Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị được ban hành tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 23/05/2021,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thaiholdings ("**Công ty**") kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thay thế toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chi tiết tại Bản dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC và phù hợp với tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, cho ý kiến và thông qua toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty (Dự thảo chi tiết xem tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này)/.

Trân trọng!

Nơi nhân:

- Như Kính gửi;
- CBTT;
- Lưu: Ban HCNS, BPC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Thuyết

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thaiholdings;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số/2023 /NQ-ĐHĐCĐ/THD ngày tháng năm 2023.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thaiholdings bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 03 (ba) đến 11 (mười một) người. Số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
- e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu

tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ.

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho

Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng

quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Hội đồng quản trị cũng có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc khác để thực hiện các công việc mà Hội đồng quản trị cho là cần thiết ngoài các tiểu ban quy định tại Khoản 1 Điều này. Các quy định về số lượng thành viên, tiêu chuẩn và điều kiện để làm thành viên của tiểu ban này sẽ do Hội đồng quản trị quyết định tùy thuộc vào tình hình thực tế.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo

hiêm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện

các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thaiholdings bao gồm VII chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Thuyết

TỜ TRÌNH

V/v: Thay thế toàn văn Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thaiholdings

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 ("**Luật Doanh nghiệp**");
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 ("**Luật Chứng khoán**");
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ("**Nghị định số 155/2020/NĐ-CP**");
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về Quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ("**Thông tư số 116/2020/TT-BTC**");
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thaiholdings;
- Căn cứ Quy chế Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát được ban hành tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 23/05/2021,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thaiholdings ("**Công ty**") kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thay thế toàn văn Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Chi tiết tại Bản dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát của Công ty được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC và phù hợp với tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, cho ý kiến và thông qua toàn văn Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát của Công ty (Dự thảo chi tiết xem tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này)/.

Trân trọng!

Nơi nhân:

- Như Kính gửi;
- CBTT;
- Lưu: Ban HCNS, BPC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Thuyết

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thaiholdings;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số/2023 /NQ-ĐHĐCĐ/THD ngày tháng năm 2023.

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thaiholdings. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thaiholdings bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 (ba) thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

- c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
 - d. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
 - e. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - f. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
 - g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn

không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát thực hiện bằng phương thức bỏ phiếu theo nguyên tắc đa số. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát phải có số phiếu bầu đạt từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ.

Trường hợp không lựa chọn đủ số thành viên Ban kiểm soát do ứng viên không đạt đủ 51% trở lên tổng số phiếu bầu hoặc có từ 02 ứng cử viên trở lên cùng đạt số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát, thì sẽ bầu lại trong số các ứng viên đó để chọn được người đó đủ số phiếu bầu.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc

họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác;
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc

quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét

thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên

Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.
2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp,

quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mọi quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mọi quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thaiholdings bao gồm VII chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Số:/2023/TTr-HĐQT/THD

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án trả cổ tức năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thaiholdings

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày ngày 31/12/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2019/NĐ-CP ngày 31/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thaiholdings.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 cụ thể như sau:

1. Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thaiholdings;
- Loại cổ phiếu: cổ phần phổ thông;
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 350.000.000 cổ phần;
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 350.000.000 cổ phần;
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa là: 35.000.000 cổ phần (*Bằng chữ: Ba mươi lăm triệu cổ phần*);
- Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành tính theo mệnh giá: 350.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm năm mươi tỷ đồng*);
- Vốn điều lệ dự kiến sau khi chia cổ tức năm 2022 là: 3.850.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba nghìn, tám trăm năm mươi tỷ đồng chẵn*);
- Tỷ lệ phát hành: 10% lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm phát hành.
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 10:1 (tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ được hưởng 01 quyền nhận cổ tức và cứ 10 quyền nhận cổ tức sẽ được nhận 01 cổ phần mới phát hành thêm theo nguyên tắc làm tròn

xuống đến hàng đơn vị);

- Mục đích phát hành: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022;
- Nguồn vốn để trả cổ tức bằng cổ phiếu: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2022 trên Báo cáo tài chính riêng năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty;
- Đối tượng chia cổ tức bằng cổ phiếu: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt Danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu do Trung tâm lưu ký Việt Nam cấp theo quy định;
- Phương thức thực hiện: Cổ đông được chia cổ tức bằng cổ phiếu sẽ thực hiện theo phương thức thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu và không được phép chuyển nhượng quyền;
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có): số lượng cổ phần phát hành thêm để trả cổ tức bằng cổ phiếu khi chia cho các cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) sẽ bị hủy.

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện phát hành thêm cổ phần để chi trả cổ tức, cổ đông A đang sở hữu 255 cổ phần. Khi đó, cổ đông A sẽ nhận được số lượng cổ phần thêm tương ứng: $(255:10) \times 1 = 25,5$ cổ phần. Theo phương án xử lý cổ phiếu lẻ, số lượng cổ phiếu cổ đông A nhận được là: 25 cổ phần. Số cổ phiếu lẻ 0,5 cổ phần hàng thập phân sẽ bị hủy;

- Giá trị chênh lệch dương giữa tổng số lợi nhuận dự kiến chi trả cổ tức bằng cổ phiếu (tính theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) so với tổng giá trị số cổ phiếu thực tế phân phối cho các cổ đông hiện hữu (tính theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) sẽ được giữ lại tại nguồn lợi nhuận chưa phân phối của Công ty.
- Thời điểm thực hiện: Sau khi được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận phát hành và dự kiến chi trả cổ tức trong năm 2022 cho cổ đông công ty trong Quý III năm 2023.

2. Ủy quyền Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua phương án phát hành nêu trên, đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị bao gồm nhưng không giới hạn ở các nội dung:

- Quyết định thời điểm cụ thể để thực hiện phương án phát hành nêu trên;
- Toàn quyền sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh và triển khai chi tiết phương án phát hành nêu trên theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

- Triển khai thực hiện và phê duyệt các hồ sơ cần thiết để đăng ký phát hành với Ủy ban chứng khoán Nhà nước; đăng ký lưu ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Thực hiện thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty để ghi nhận phần vốn điều lệ mới theo kết quả thực tế của việc phát hành nêu trên với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Các vấn đề liên quan khác (nếu có);
- Chỉ đạo, kiểm soát, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện các nội dung nêu trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thaiholdings xem xét, cho ý kiến và thông qua./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- CBTT;
- Lưu: Ban HCNS, BPC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Thuyết

CÔNG TY CỔ PHẦN
THAIHOLDINGS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 01/2023/BB-ĐHĐCĐ/THD

Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2023

BIÊN BẢN HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023 CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thaiholdings.

A. THỦ TỤC KHAI MẠC ĐẠI HỘI:

Hôm nay, vào hồi giờ phút, ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại địa chỉ: Tầng 3, Nhà hàng Hoa Sen 1, Khách sạn Kim Liên, số 5 – 7 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Công ty Cổ phần Thaiholdings (“*Công ty*”) đã tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (“*ĐHĐCĐ*” hoặc “*Đại hội*”):

I. Đoàn chủ tịch gồm:

- Ông Nguyễn Văn Thuyết - Chủ tịch HĐQT/ Chủ tọa Đại hội;
- Ông Vũ Ngọc Định - Thành viên;
- Ông Phan Mạnh Hùng - Thành viên.

II. Ban Thư ký gồm:

- Bà Nguyễn Hải Yến - Trưởng ban;
- Bà Đinh Khánh Linh - Thành viên.

III. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông gồm:

- Ông Vũ Hiệp - Trưởng ban;
- Bà Nguyễn Ngọc Diệp - Thành viên.

IV. Ban Kiểm phiếu gồm:

- Ông Nguyễn Tiến Hưng - Trưởng ban;
- Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Thành viên.

V. Kiểm tra số lượng cổ đông tham dự Đại hội

Ban kiểm phiếu báo cáo số lượng cổ đông tham dự Đại hội như sau:

- Tính đến ngày 31/3/2023 (ngày chốt danh sách cổ đông chính thức được quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên) Công ty Cổ phần Thaiholdings có 350.000.000

cổ phần, tương đương với 350.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết do cổ đông nắm giữ.

- Tổng số cổ đông tham dự tính đến thời điểm khai mạc Đại hội lúc 08 giờ 30 phút, ngày 27/4/2023 là **cổ đông**, nắm giữ và đại diện cho cổ phần tương đương với% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty.

VI. Điều kiện tiến hành phiên họp:

- Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông đọc Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông, cụ thể như sau:

Tính đến ... giờ phút, tổng số cổ đông tham dự trực tiếp và thông qua người đại diện được ủy quyền là cổ đông, nắm giữ và đại diện cho cổ phần, tương đương với tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông tuyên bố phiên họp đủ điều kiện tiến hành.

VII. ĐHĐCĐ thông qua nhân sự Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu

Các cổ đông tham dự đã biểu quyết với tỷ lệ 100% cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội đồng ý thông qua.

VIII. ĐHĐCĐ thông qua Quy chế làm việc, chương trình làm việc của Đại hội

Các cổ đông tham dự đã biểu quyết với tỷ lệ 100% cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội đồng ý thông qua.

B. NỘI DUNG BÁO CÁO/TỜ TRÌNH VÀ THẢO LUẬN TẠI ĐẠI HỘI

I. Đoàn chủ tịch và Ban Kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên các Báo cáo và Tờ trình theo chương trình nghị sự đã được đại hội thông qua, lần lượt gồm:

1.1. Các Báo cáo:

- 1) Báo cáo của Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) về hoạt động quản trị năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023;
- 2) Báo cáo của Ban kiểm soát (“**BKS**”) về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc;
- 3) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;

1.2. Các Tờ trình:

- 1) Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022;
- 2) Tờ trình thông qua phương án trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2022;
- 3) Tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023;
- 4) Tờ trình thông qua việc quyết toán thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022 và phương án chi trả thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023;

- 5) Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 - 2024;
- 6) Tờ trình thông qua việc bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 - 2024;
- 7) Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2019 - 2024;
- 8) Tờ trình thông qua việc bầu thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2019 - 2024;
- 9) Tờ trình thông qua việc thay thế toàn văn Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty;
- 10) Tờ trình thông qua việc thay thế toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị công ty;
- 11) Tờ trình thông qua việc thay thế toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
- 12) Tờ trình thông qua việc thay thế toàn văn Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;
- 13) Tờ trình thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022.

II. Thảo luận tại cuộc họp

1. Câu hỏi 1:

⇒ **Trả lời:**

2. Câu hỏi 2:

⇒ **Trả lời:**

3. Câu hỏi 3:

⇒ **Trả lời:**

4. Câu hỏi 4:

⇒ **Trả lời:**

C. TIẾN HÀNH BIỂU QUYẾT VÀ BẦU CỬ

Tại thời điểmgiờ phút, ngày 27 tháng 4 năm 2023:

I. Kết quả biểu quyết thông qua nội dung các báo cáo và tờ trình

- Tổng số phiếu biểu quyết phát ra: ... phiếu, đại diện cho cổ phần, chiếm % cổ phần có quyền biểu quyết tham dự tại Đại hội.
- Tổng số phiếu biểu quyết thu về: phiếu, đại diện cho cổ phần, chiếm % cổ phần có quyền biểu quyết phát ra.
 - ✓ Số phiếu hợp lệ: phiếu, đại diện cho cổ phần, chiếm % cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
 - ✓ Số phiếu không hợp lệ: ... phiếu, đại diện cho cổ phần, chiếm % cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- Kết quả biểu quyết:

| STT | Nội dung | Tán thành | | Không tán thành | | Không có ý kiến | |
|-----|--|------------------|---------|------------------|---------|------------------|---------|
| | | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ % | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ % | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ % |
| 1 | Báo cáo của HĐQT về hoạt động quản trị năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 | | | 0 | 0% | 0 | 0% |
| 2 | Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của HĐQT và Tổng Giám đốc | | | 0 | 0% | 0 | 0% |
| 3 | Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và Kiểm soát viên | | | 0 | 0% | 0 | 0% |
| 4 | Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 | | | 0 | 0% | 0 | 0% |
| 5 | Tờ trình thông qua phương án trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2022 | | | 0 | 0% | 0 | 0% |
| 6 | Tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 | | | 0 | 0% | 0 | 0% |

| STT | Nội dung | Tán thành | | Không tán thành | | Không có ý kiến | |
|-----|---|------------------|---------|------------------|---------|------------------|---------|
| | | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ % | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ % | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ % |
| 7 | Tờ trình thông qua việc quyết toán thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2022 và phương án chi trả thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2023 | | | 0 | 0% | 0 | 0% |
| 8 | Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019 - 2024 | | | 0 | 0% | 0 | 0% |
| 9 | Tờ trình thông qua việc bầu thay thế thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019 - 2024 | | | 0 | 0% | 0 | 0% |
| 10 | Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm thành viên BKS nhiệm kỳ 2019 - 2024 | | | 0 | 0% | 0 | 0% |
| 11 | Tờ trình thông qua việc bầu thành viên BKS nhiệm kỳ 2019 – 2024 | | | 0 | 0% | 0 | 0% |
| 12 | Tờ trình thông qua việc thay thế toàn văn Điều lệ tổ chức | | | 0 | 0% | 0 | 0% |

| STT | Nội dung | Tán thành | | Không tán thành | | Không có ý kiến | |
|-----|--|------------------|---------|------------------|---------|------------------|---------|
| | | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ % | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ % | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ % |
| | và hoạt động Công ty | | | | | | |
| 13 | Tờ trình thông qua việc thay thế toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị công ty | | | 0 | 0% | 0 | 0% |
| 14 | Tờ trình thông qua việc thay thế toàn văn Quy chế hoạt động của HĐQT | | | 0 | 0% | 0 | 0% |
| 15 | Tờ trình thông qua việc thay thế toàn văn Quy chế hoạt động của BKS | | | 0 | 0% | 0 | 0% |
| 16 | Tờ trình thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 | | | 0 | 0% | 0 | 0% |

Ghi chú: Tỷ lệ biểu quyết tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

II. Kết quả biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm và bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 - 2024

1. Đối với việc miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT, chi tiết kết quả biểu quyết như sau:

- Tổng số phiếu phát ra: phiếu, đại diện cho cổ phần, chiếm % cổ phần có quyền biểu quyết tham dự tại Đại hội.
- Tổng số phiếu thu về: phiếu, đại diện cho cổ phần, chiếm % cổ phần có quyền biểu quyết phát ra.
- ✓ Số phiếu hợp lệ: phiếu, đại diện cho cổ phần, chiếm % cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

✓ Số phiếu không hợp lệ: ... phiếu, đại diện cho cổ phần, chiếm % cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Kết quả biểu quyết:

| TT | Ý kiến | Số phiếu | Số cổ phần/biểu quyết | Tỷ lệ so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết |
|------------|-------------------------|----------|-----------------------|--|
| I | Thành viên | | | |
| 1 | Tán thành | | | |
| 2 | Không tán thành | | | |
| 3 | Không có ý kiến | | | |
| II | Thành viên | | | |
| 1 | Tán thành | | | |
| 2 | Không tán thành | | | |
| 3 | Không có ý kiến | | | |
| III | Thành viên | | | |
| 1 | Tán thành | | | |
| 2 | Không tán thành | | | |
| 3 | Không có ý kiến | | | |

2. Đối với nội dung bầu thay thế thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019 – 2024, chi tiết kết quả bầu như sau:

- Tổng số phiếu phát ra: phiếu, đại diện cho cổ phần, chiếm % cổ phần có quyền biểu quyết tham dự tại Đại hội.

- Tổng số phiếu thu về: phiếu, đại diện cho cổ phần, chiếm % cổ phần có quyền biểu quyết phát ra.

✓ Số phiếu hợp lệ: phiếu, đại diện cho cổ phần, chiếm % cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

✓ Số phiếu không hợp lệ: ... phiếu, đại diện cho cổ phần, chiếm % cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

- Kết quả bầu thay thế thành viên HĐQT:

| TT | Ứng cử viên | Số phiếu bầu | Kết quả |
|----|-------------|--------------|---------|
| 1 | | | |
| 2 | | | |
| 3 | | | |

III. Kết quả biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm và bầu thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2019 - 2024

1. Đối với việc miễn nhiệm chức vụ thành viên BKS đối với Ông Bùi Lê Quang, chi tiết kết quả biểu quyết như sau:

- Tổng số phiếu phát ra: phiếu, đại diện cho cổ phần, chiếm % cổ phần có quyền biểu quyết tham dự tại Đại hội.
- Tổng số phiếu thu về: phiếu, đại diện cho cổ phần, chiếm % cổ phần có quyền biểu quyết phát ra.
- ✓ Số phiếu hợp lệ: phiếu, đại diện cho cổ phần, chiếm % cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- ✓ Số phiếu không hợp lệ: ... phiếu, đại diện cho cổ phần, chiếm % cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Kết quả biểu quyết:

| TT | Ý kiến | Số phiếu | Số cổ phần/biểu quyết | Tỷ lệ so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết |
|----|-----------------|----------|-----------------------|--|
| 1 | Tán thành | | | |
| 2 | Không tán thành | | | |
| 3 | Không có ý kiến | | | |

2. Đối với nội dung bầu thành viên BKS nhiệm kỳ 2019 - 2024, chi tiết kết quả bầu như sau:

- Tổng số phiếu phát ra: phiếu, đại diện cho cổ phần, chiếm % cổ phần có quyền biểu quyết tham dự tại Đại hội.
- Tổng số phiếu thu về: phiếu, đại diện cho cổ phần, chiếm % cổ phần có quyền biểu quyết phát ra.
- ✓ Số phiếu hợp lệ: phiếu, đại diện cho cổ phần, chiếm % cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
- ✓ Số phiếu không hợp lệ: ... phiếu, đại diện cho cổ phần, chiếm % cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Kết quả bầu thành viên BKS:

| TT | Ứng cử viên | Số phiếu bầu | Kết quả |
|----|-------------|--------------|---------|
| 1 | | | |
| 2 | | | |

D. ĐHĐCĐ THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

1. ĐHĐCĐ thông qua nội dung Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Thaiholdings được Đại hội thông qua với tỷ lệ biểu quyết thông qua là% số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp.

2. Bế mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Đoàn Chủ tịch tuyên bố bế mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 kết thúc vào lúcgiờ phút cùng ngày.

**THƯ KÝ ĐẠI HỘI
TRƯỞNG BAN**

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nguyễn Hải Yên

Nguyễn Văn Thuyết

CÔNG TY CỔ PHẦN
THAIHOLDINGS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ/THD

Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thaiholdings;
- Căn cứ Biên bản họp số 01/2023/BB-ĐHĐCĐ/THD ngày 27/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Thaiholdings.

QUYẾT NGHỊ:

- Điều 1.** Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị ("**HDQT**") về hoạt động quản trị năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023.
- Điều 2.** Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của HDQT và Tổng giám đốc.
- Điều 3.** Thông qua Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên.
- Điều 4.** Thông qua Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2022.
- Điều 5.** Thông qua phương án trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2022.
- Điều 6.** Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.
- Điều 7.** Thông qua việc quyết toán thù lao thành viên HDQT, Ban Kiểm soát năm 2022 và phương án chi trả thù lao thành viên HDQT, Ban Kiểm soát năm 2023.
- Điều 8.** Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Thành viên HDQT đối với: Ông Nguyễn Văn Khoa
Thời điểm miễn nhiệm: Kể từ ngày 27/04/2023.
- Điều 9.** Thông qua việc bầu thay thế thành viên HDQT nhiệm kỳ 2019 - 2024 kể từ ngày 27/4/2023.
....
- Điều 10.** Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2019 – 2024 đối với ông Bùi Lê Quang kể từ ngày 27/4/2023.

- Điều 11.** Thông qua việc bầu thay thế thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2019 - 2024 đối với kể từ ngày 27/4/2023.
- Điều 12.** Thông qua việc thay thế toàn văn Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty (*Chi tiết xem tại Phụ lục 1 đính kèm Nghị quyết này*).
- Điều 13.** Thông qua việc thay thế toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị công ty (*Chi tiết xem tại Phụ lục 2 đính kèm Nghị quyết này*).
- Điều 14.** Thông qua việc thay thế toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (*Chi tiết xem tại Phụ lục 3 đính kèm Nghị quyết này*).
- Điều 15.** Thông qua việc thay thế toàn văn Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát (*Chi tiết xem tại Phụ lục 4 đính kèm Nghị quyết này*).
- Điều 16.** Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022.
- Điều 17.** Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Thaiholdings thông qua toàn văn tại cuộc họp.
- Điều 18.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Tất cả các cổ đông của Công ty Cổ phần Thaiholdings, HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban điều hành và các cá nhân, bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông công ty;
- HĐQT, BKS;
- CBTT;
- Lưu: Ban HCNS, BPC.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nguyễn Văn Thuyết

**DANH MỤC CÁC BIỂU MẪU
SỬ DỤNG TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS**

| STT | TÊN TÀI LIỆU |
|------------|--|
| 1 | Giấy xác nhận tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 |
| 2 | Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 |
| 3 | Thẻ biểu quyết |
| 4 | Phiếu biểu quyết |
| 5 | Phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị |
| 6 | Phiếu bầu thành viên Ban Kiểm soát |
| 7 | Phiếu đặt câu hỏi |
| 8 | Mẫu Đơn đề cử thành viên Ban Kiểm soát |
| 9 | Mẫu Đơn ứng cử thành viên Ban Kiểm soát |
| 10 | Mẫu Đơn đề cử thành viên Hội đồng quản trị |
| 11 | Mẫu Đơn ứng cử thành viên Hội đồng quản trị |
| 12 | Mẫu Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát |

....., ngày tháng năm 2023

GIẤY XÁC NHẬN THAM DỰ
PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Kính gửi: Công ty Cổ phần Thaiholdings

Tên cổ đông:

CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD số:

Cấp ngày: Tại:

Địa chỉ thường trú/trụ sở chính:

Xác nhận tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Thaiholdings tổ chức vào ngày 27/04/2023 với tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện là:

..... cổ phần, trong đó:

- Số cổ phần sở hữu:cổ phần;
- Số cổ phần được ủy quyền:cổ phần;
- Tổng số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền: cổ phần.

Đề nghị Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Thaiholdings xác nhận vào danh sách cổ đông/đại diện cổ đông tham dự họp của Công ty. Trân trọng./.

Cổ đông

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

THAM DỰ PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Kính gửi: Công ty Cổ phần Thaiholdings

Tên cổ đông:

CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD số:

Cấp ngày: Tại:

Chủ sở hữu: cổ phần

Bằng giấy ủy quyền này, tôi xin ủy quyền cho:

Ông/Bà:

CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD số:

Cấp ngày: Tại:

hoặc:

Ông Phan Mạnh Hùng - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thaiholdings.

Ông Đặng Văn Thắng - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thaiholdings.

Ông/Bà..... là người đại diện được thay mặt tôi tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Thaiholdings, với tư cách là đại diện cho tất cả số cổ phần mà tôi sở hữu.

Người đại diện được thay mặt tôi tùy chọn và quyết định đối với mọi vấn đề nêu ra hợp lệ tại Đại hội.

Người đại diện đồng ý với nội dung ủy quyền trên và ký chấp thuận dưới đây sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện ủy quyền này.

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Thaiholdings.

....., ngày tháng năm 2023

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký & ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký & ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

¹ **Chú ý:** Đề nghị Quý cổ đông mang theo Thông báo mời họp, Giấy ủy quyền (nếu có), CMND/CCCD/Hộ chiếu khi đến tham dự Đại hội. Đối với cổ đông là tổ chức, đề nghị người đại diện mang theo bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, CMND/CCCD/Hộ chiếu và Giấy ủy quyền tham dự đại hội (trường hợp người đại diện tham dự không phải là đại diện trước pháp luật của tổ chức đó).



CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Địa chỉ: Số 210 Đường Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền,
Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Tel: 024 3968 9898 Fax: 024 3525 9898

MSDN: 0105202998 Website: <https://thaiholdings.com.vn/>

**THẺ BIỂU QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

Cổ đông/Người được uỷ quyền:

.....

Số cổ phần biểu quyết:

.....

Sở hữu

....

Được uỷ quyền

....

Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2023

PHIẾU BIỂU QUYẾT

1. Thông tin cổ đông

Họ và tên cổ đông/người được ủy quyền:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Số cổ phần sở hữu: cổ phần;

Số cổ phần nhận ủy quyền: cổ phần;

Tổng số phiếu biểu quyết: phiếu;

2. Biểu quyết

| S T T | Nội dung | Biểu quyết | | |
|-------------|--|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | | Tán thành | Không tán thành | Không có ý kiến |
| 1 | Báo cáo của HĐQT về hoạt động quản trị năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023. | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 2 | Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của HĐQT và Tổng Giám đốc. | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 3 | Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và Kiểm soát viên. | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 4 | Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022. | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 5 | Tờ trình thông qua phương án trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2022. | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 6 | Tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023. | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 7 | Tờ trình thông qua việc quyết toán thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2022 và phương án chi trả thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2023. | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 8 | Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019 - 2024 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 9 | Tờ trình thông qua việc bầu thay thế thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019 - 2024. | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 10 | Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm thành viên BKS nhiệm kỳ 2019 - 2024 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

| | | | | |
|----|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| 11 | Tờ trình thông qua việc bầu thành viên BKS nhiệm kỳ 2019 - 2024. | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 12 | Tờ trình thông qua việc thay thế toàn văn Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 13 | Tờ trình thông qua việc thay thế toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị công ty. | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 14 | Tờ trình thông qua việc thay thế toàn văn Quy chế hoạt động của HĐQT. | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 15 | Tờ trình thông qua việc thay thế toàn văn Quy chế hoạt động của BKS. | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 16 | Tờ trình thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022. | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

Ngày tháng năm 2023
Cổ đông/người được ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

1. Phiếu Biểu quyết này chỉ có giá trị trong phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Thaiholdings. Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu do Công ty Cổ phần Thaiholdings phát hành và đóng dấu treo của Công ty.
2. Cổ đông kiểm tra thông tin tại Mục I. Trường hợp có sai sót hoặc bị nhầm lẫn khi ghi Phiếu, với điều kiện chưa bỏ vào Thùng phiếu, cổ đông đề nghị Ban Kiểm phiếu đổi lấy Phiếu mới và hủy Phiếu cũ.
3. Cổ đông tích dấu x hoặc dấu ✓ vào 01 trong 03 ô tương ứng: Tán thành, không tán thành, không có ý kiến tại cột “Biểu quyết”. Không tích nhiều hơn 01 ô tại từng nội dung biểu quyết;
4. Cổ đông ký và ghi rõ họ tên vào Phiếu biểu quyết.

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

PHIẾU BẦU
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

I. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

- Họ và tên cổ đông/đại diện ủy quyền:
- CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD số:
- Số lượng cổ phần sở hữu/đại diện:
- Tổng số phiếu bầu quyết:

II. KẾT QUẢ BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| TT | Ứng cử viên | Số phiếu bầu |
|------------------|-------------|--------------|
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |
| Tổng cộng | | |

Cổ đông/đại diện được ủy quyền
(Ký tên và ghi họ tên)

Ghi chú:

- Phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị chỉ có giá trị trong phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Thaiholdings. Phiếu bầu hợp lệ là phiếu do Công ty Cổ phần Thaiholdings phát hành và đóng dấu treo của Công ty.
- Cổ đông kiểm tra thông tin tại Mục I. Trường hợp có sai sót hoặc bị nhầm lẫn khi ghi Phiếu, với điều kiện chưa bỏ vào Thùng phiếu, cổ đông đề nghị Ban Kiểm phiếu đổi lấy Phiếu mới và hủy Phiếu cũ.
- Nếu đồng ý bầu cho ứng cử viên, cổ đông viết số phiếu muốn bầu vào cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó.
- Cổ đông có quyền bầu hết toàn bộ hoặc một phần tổng số phiếu biểu quyết cho một hoặc một số ứng viên. Số phiếu bầu cho mỗi ứng viên có thể bằng hoặc không bằng nhau tùy theo sự tín nhiệm của cổ đông đối với các ứng viên.
- Tổng số phiếu bầu cho ứng cử viên/các ứng viên không được vượt quá tổng số phiếu biểu quyết nêu tại mục I.4
- Cổ đông ký và ghi rõ họ tên vào phiếu bầu.

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

PHIẾU BẦU
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

I. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

- Họ và tên cổ đông/đại diện ủy quyền:
- CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD số:
- Số lượng cổ phần sở hữu/đại diện:
- Tổng số phiếu biểu quyết:

II. KẾT QUẢ BẦU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

| TT | Ứng cử viên | Số phiếu bầu |
|------------------|-------------|--------------|
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |
| Tổng cộng | | |

Cổ đông/đại diện được ủy quyền
(Ký tên và ghi họ tên)

Ghi chú:

- Phiếu bầu thành viên Ban Kiểm soát chỉ có giá trị trong phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Thaiholdings. Phiếu bầu hợp lệ là phiếu do Công ty Cổ phần Thaiholdings phát hành và đóng dấu treo của Công ty.
- Cổ đông kiểm tra thông tin tại Mục I. Trường hợp có sai sót hoặc bị nhầm lẫn khi ghi Phiếu, với điều kiện chưa bỏ vào Thùng phiếu, cổ đông đề nghị Ban Kiểm phiếu đổi lấy Phiếu mới và hủy Phiếu cũ.
- Nếu đồng ý bầu cho ứng cử viên, cổ đông viết số phiếu muốn bầu vào cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó.
- Cổ đông có quyền bầu hết toàn bộ hoặc một phần tổng số phiếu biểu quyết cho một hoặc một số ứng viên. Số phiếu bầu cho mỗi ứng viên có thể bằng hoặc không bằng nhau tùy theo sự tín nhiệm của cổ đông đối với các ứng viên.
- Tổng số phiếu bầu cho ứng cử viên/các ứng viên không được vượt quá tổng số phiếu biểu quyết nêu tại mục I.4
- Cổ đông ký và ghi rõ họ tên vào phiếu bầu.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

ĐƠN ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS NHIỆM KỲ 2019 – 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thaiholdings

Cổ đông/Nhóm cổ đông Công ty Cổ phần Thaiholdings gồm:

| STT | Tên cổ đông | Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/GCN ĐKDN, Nơi cấp, Ngày cấp | Số lượng cổ phần sở hữu | Tỷ lệ % cổ phần / Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty | Chữ ký và ghi rõ họ tên của cổ đông là cá nhân / Chữ ký và ghi rõ họ tên của người đại diện theo pháp luật, đóng dấu đối với cổ đông là tổ chức |
|-----------|-------------|---|-------------------------|---|---|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| 3 | | | | | |
| 4 | | | | | |
| 5 | | | | | |
| Tổng cộng | | | | | |

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thaiholdings, tôi/chúng tôi đề cử:

Ông/Bà:

Ngày sinh: Nơi sinh:

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Hộ khẩu thường trú:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:

Làm ứng cử viên cho vị trí thành viên Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Thaiholdings nhiệm kỳ 2019 - 2024.

Tôi/Chúng tôi xin cam đoan Ông/Bà có đủ điều kiện để đề cử vào vị trí thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thaiholdings và quy định của pháp luật có liên quan.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- Sơ yếu lý lịch tự khai của người được đề cử;
- Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu và các văn bản chứng nhận trình độ học vấn của người được đề cử;
- Giấy uỷ quyền (đối với trường hợp cổ đông uỷ quyền cho người khác đề cử).

CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm

**ĐƠN ỨNG CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS NHIỆM KỲ 2019 – 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thaiholdings

Tôi tên là:

Ngày sinh:

Nơi sinh:

Địa chỉ thường trú:

Điện thoại:

Email:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:

Ngày cấp:

Tại:

Trình độ học vấn:

Chuyên ngành:

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thaiholdings, tôi xin ứng cử vào vị trí thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thaiholdings.

Tôi xin cam kết mình có đủ điều kiện để ứng cử vào vị trí thành viên Ban Kiểm soát và cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo đơn này, đồng thời tuân thủ đầy đủ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thaiholdings và quy định của pháp luật có liên quan.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- Sơ yếu lý lịch tự khai;*
- Bản sao hợp lệ CCCD/CMND/Hộ chiếu và các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn của ứng cử viên.*

ỨNG CỬ VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

ĐƠN ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS NHIỆM KỲ 2019 – 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thaiholdings

Cổ đông/Nhóm cổ đông Công ty Cổ phần Thaiholdings gồm:

| STT | Tên cổ đông | Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/GCN ĐKDN, Nơi cấp, Ngày cấp | Số lượng cổ phần sở hữu | Tỷ lệ % cổ phần / Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty | Chữ ký và ghi rõ họ tên của cổ đông là cá nhân / Chữ ký và ghi rõ họ tên của người đại diện theo pháp luật, đóng dấu đối với cổ đông là tổ chức |
|-----------|-------------|---|-------------------------|---|---|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| 3 | | | | | |
| 4 | | | | | |
| 5 | | | | | |
| Tổng cộng | | | | | |

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thaiholdings, tôi/chúng tôi đề cử:

Ông/Bà:

Ngày sinh: Nơi sinh:

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Hộ khẩu thường trú:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:

Làm ứng cử viên cho vị trí thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Thaiholdings nhiệm kỳ 2019 - 2024.

Tôi/Chúng tôi xin cam đoan Ông/Bà có đủ điều kiện để đề cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thaiholdings và quy định của pháp luật có liên quan.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- *Sơ yếu lý lịch tự khai của người được đề cử;*
- *Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu và các văn bản chứng nhận trình độ học vấn của người được đề cử;*
- *Giấy uỷ quyền (đối với trường hợp cổ đông uỷ quyền cho người khác đề cử).*

CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**ĐƠN ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS NHIỆM KỲ 2019 – 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thaiholdings

Tôi tên là:

Ngày sinh:

Nơi sinh:

Địa chỉ thường trú:

Điện thoại:

Email:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:

Ngày cấp:

Tại:

Trình độ học vấn:

Chuyên ngành:

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thaiholdings, tôi xin ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thaiholdings.

Tôi xin cam kết mình có đủ điều kiện để ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị và cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo đơn này, đồng thời tuân thủ đầy đủ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thaiholdings và quy định của pháp luật có liên quan.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- Sơ yếu lý lịch tự khai;*
- Bản sao hợp lệ CCCD/CMND/Hộ chiếu và các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn của ứng cử viên.*

ỨNG CỬ VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên:
2. Giới tính:
3. Ngày sinh:
4. Nơi sinh:
5. Quốc tịch:
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay:
7. Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/ Hộ chiếu số:
Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____
8. Điện thoại liên hệ:
9. Trình độ chuyên môn:
10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết - Công ty Cổ phần Thaiholdings:
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
12. Quá trình công tác

| Thời gian <i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i> | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|---|------------------------|----------------|
| | | |
| | | |

13. Hành vi vi phạm pháp luật:
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết – Công ty Cổ phần Thaiholdings: *(nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)*
 - Sở hữu cá nhân:
 - Sở hữu đại diện:
 - Sở hữu của người có liên quan: *(nêu rõ họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ)*
15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết *(áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu)*
16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết
17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước công ty và cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật./.

....., ngày tháng năm

Xác nhận của Công ty

....., ngày tháng năm

Người khai

(ký và ghi rõ họ tên)